

# DANH MỤC TÀI LIỆU

STT	DANH MỤC
1	Chương trình Đại hội
2	Quy chế điều hành tại Đại hội
3	Thông báo bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2021 – 2025) Quy chế bầu thành viên HĐQT
4	Báo cáo tóm tắt nội dung sổ cổ đông chốt ngày 02/03/2021 để thực hiện quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần LICOGI 16
5	Báo cáo hoạt động của HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2020 và mục tiêu hoạt động năm 2021
6	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, và kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2021
7	Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 (đã kiểm toán)
8	Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021
9	Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, ngân sách hoạt động, thù lao HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký năm 2020
10	Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, ngân sách hoạt động, thù lao HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký năm 2021
11	Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty
12	Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ
13	Tờ trình thay đổi nhận diện thương hiệu Công ty
14	Tờ trình ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT một số nội dung cho hoạt động năm 2021
15	Tóm tắt lý lịch các ứng viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2021 – 2025)
16	Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 (đã kiểm toán)

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16 (NGÀY 03/04/2021)**

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung chương trình</b>	<b>Người thực hiện</b>
08h00 – 08h45	Tổ chức đón tiếp khách, kiểm tra số lượng và tư cách cổ đông về dự Đại hội, phát phiếu biểu quyết.	Ban kiểm tra tư cách CD và BTC
08h45 – 08h55	Thông qua quy chế điều hành tại Đại hội.	MC
08h55 – 09h00	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông về dự Đại hội	Ban KT tư cách CD
09h00 – 09h05	Khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự Đại hội.	MC
09h05 – 09h10	Thông qua Đoàn chủ tịch, Ban thư ký.	MC
09h10 – 09h15	Thông qua chương trình Đại hội.	Chủ tịch HĐQT
09h15 – 09h25	Báo cáo của HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2020 và mục tiêu hoạt động năm 2021.	Chủ tịch HĐQT
09h25 – 09h35	Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ của năm 2021.	TGD
09h35 – 09h40	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 (đã được kiểm toán).	KTT
09h40 – 10h00	<b><i>Trình đại hội các nội dung:</i></b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021</li> <li>- Phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, thù lao HĐQT, người phụ trách quản trị, ban thư ký năm 2020</li> <li>- Kế hoạch phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, thù lao HĐQT, người phụ trách quản trị, ban thư ký năm 2021</li> <li>- Sửa đổi điều lệ Công ty</li> <li>- Tờ trình phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ</li> <li>- Tờ trình thay đổi nhận diện thương hiệu Công ty</li> <li>- Ủy quyền cho HĐQT một số nội dung cho hoạt động năm 2021</li> </ul>	Thành viên HĐQT
10h00 – 10h05	Thông qua danh sách ứng viên thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2021 – 2025)	Chủ tịch HĐQT
10h05 – 10h15	Thông qua quy chế bầu cử, hướng dẫn bầu cử, tiến hành bầu cử	Ban kiểm phiếu
10h15 – 10h30	Nghỉ giải lao.	
10h30 – 11h25	Đại hội thảo luận, đóng góp ý kiến.	Đoàn Chủ tịch
11h25 – 11h35	Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo và các tờ trình của HĐQT.	Đoàn Chủ tịch
11h35 – 11h40	Đọc kết quả bầu cử.	Ban kiểm phiếu
11h40 – 11h50	Đọc kết quả biểu quyết.	Ban kiểm phiếu
11h50 – 12h00	Ban thư ký đọc dự thảo Nghị quyết Đại hội. Thông qua nghị quyết Đại hội.	Ban thư ký
12h00	Bế mạc Đại hội.	Đoàn Chủ tịch

## **QUY CHẾ ĐIỀU HÀNH**

### **TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16 đã được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi bổ sung lần thứ 9 và thông qua ngày 30 tháng 05 năm 2020.

#### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi áp dụng, mục tiêu**

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần LICOGI 16 (gọi tắt là Công ty).
- Đảm bảo nguyên tắc, công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội được thực hiện thành công tốt đẹp, tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Chương II**

#### **THÀNH PHẦN THAM GIA ĐẠI HỘI**

##### **Điều 2. Thành phần tham gia Đại hội**

- Đoàn chủ tịch gồm 03 người là thành viên của Hội đồng quản trị Công ty, trong đó Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội.
- Ban Thư ký Đại hội gồm 02 người.
- Ban Kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử gồm 09 người.

Các thành phần trên được đề cử và do Đại hội biểu quyết thông qua.

- Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách phân bổ quyền tham dự Đại hội. Số liệu này được căn cứ theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 160/2021-LCG/VSD-DK do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam lập và cấp ngày 04/03/2021.

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 12 người (do Ban Tổ chức Đại hội phân công).

- Đại biểu khách mời đại diện cho Sở giao dịch Chứng khoán Tp. HCM, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Tp. HCM và các Sở - Ban ngành khác.



### Chương III

## QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

### Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện cổ đông

- Tất cả cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội được quyền tham gia đóng góp ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền của mình.
- Khi tới tham dự Đại hội cổ đông, đại diện cổ đông phải mang theo Giấy tờ tùy thân và Thư mời tham dự Đại hội nộp cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông (trường hợp được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội phải mang theo Giấy tờ tùy thân và Giấy ủy quyền, không được ủy quyền cho người thứ ba).
- Các cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.
- Trường hợp Cổ đông, đại diện cổ đông đến dự Đại hội muộn, có nghĩa vụ đăng ký với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, sau đó có quyền tham dự và biểu quyết ngay tại Đại hội, Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký, hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

### Điều 4. Quyền và trách nhiệm của Chủ tọa Đại hội

#### 4.1. Chủ tọa có trách nhiệm:

- Chủ trì và điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ, Quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ và quyết định theo đa số;
- Chủ tọa trình bày chương trình, nội dung các tờ trình, dự thảo, trả lời hoặc chỉ định cán bộ chuyên môn trả lời chất vấn của các cổ đông, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.

#### 4.2. Chủ tọa có quyền:

- Thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Yêu cầu tất cả mọi người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- Yêu cầu Ban Tổ chức Đại hội trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối làm mất trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp;
- Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
  - + Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả các cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.
  - + Cổ đông hoặc đại diện cổ đông dự họp có hành vi cản trở, gây mất trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách dân chủ và hợp pháp...
- Thời gian hoãn cuộc họp tối đa không quá 3 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn.
- Giải quyết các vấn đề phát sinh khác trong suốt quá trình diễn ra Đại hội.
- Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

### Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội, các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
- Soạn thảo và công bố dự thảo Nghị quyết về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Công bố thông tin Biên bản họp và nghị quyết theo qui định.



## **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu**

- Hướng dẫn thủ tục biểu quyết, theo Quy chế làm việc của Đại hội.
- Tổng hợp và xác định kết quả biểu quyết, các vấn đề khác được thông qua tại Đại hội.
- Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.
- Xem xét và báo cáo với Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc có sự khiếu nại về kết quả biểu quyết.

## **Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông**

Tổ chức thẩm tra tư cách cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội, lập Biên bản và công bố kết quả thẩm tra tư cách cổ đông trước Đại hội.

## **Điều 8. Trật tự của Đại hội**

- Cổ đông, đại diện cổ đông khi vào hội trường phải tuyệt đối tuân thủ theo sự sắp xếp vị trí ngồi của Ban Tổ chức.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội, tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không để chế độ chuông.
- Các cổ đông, đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội đồng cổ đông từ khi bắt đầu diễn ra Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông, đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông, đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để thông báo ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông, đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

## **Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội**

Đại hội chỉ được tiến hành khi có số cổ đông, đại diện cổ đông dự họp đạt ít nhất 51% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

## **Chương IV**

### **NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI**

## **Điều 10. Nội dung làm việc của Đại hội**

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của HĐQT năm 2020 và mục tiêu hoạt động năm 2021
- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ của năm 2021;
- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
- Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021;
- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, thù lao HĐQT, người phụ trách quản trị, ban Thư ký năm 2020
- Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, thù lao HĐQT, người phụ trách quản trị, Ban Thư ký năm 2021;
- Tờ trình sửa đổi điều lệ Công ty;
- Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- Tờ trình thay đổi nhận diện thương hiệu Công ty;
- Tờ trình ủy quyền cho HĐQT một số nội dung cho hoạt động năm 2021;
- Tờ trình bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2021 – 2025);
- Các nội dung quan trọng khác theo thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2021

## THÔNG BÁO BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16 NHIỆM KỲ 2021 - 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 16 xin trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc thực hiện bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 - 2025 của Công ty Cổ phần LICOGI 16 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, nội dung cụ thể như sau:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu cử nhiệm kỳ 2021 – 2025: 06 thành viên
- Thời gian và địa điểm thực hiện bầu: tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
- Hướng dẫn về việc đề cử, ứng cử ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị: được Hội đồng quản trị Công ty thông báo và đăng tải trên website Công ty (<http://licogi16.vn>). Quý cổ đông xin vui lòng xem kỹ Hướng dẫn đề cử, ứng cử này để thực hiện quyền đề cử, ứng cử là thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2025 một cách phù hợp và đúng theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Dự thảo Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: được Hội đồng quản trị Công ty công bố, đăng tải trên website của Công ty và sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 trước khi tiến hành bỏ phiếu bầu.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



BUI ĐƯƠNG HÙNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2021

**QUY CHẾ BẦU  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
NHIỆM KỲ 2021 - 2025**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần LICOGI 16 tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) nhiệm kỳ IV (2021 – 2025) theo các quy định sau:

**Điều 1: Các quy định chung**

1. Việc bầu thành viên HDQT của Công ty Cổ phần LICOGI 16 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thực hiện theo nguyên tắc: bầu cử công khai, trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín.
2. Việc bầu thành viên HDQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, phù hợp với quy định tại Khoản 3, Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (“Luật Doanh nghiệp”) và Điều lệ Công ty.
3. Đối tượng có quyền bầu cử bao gồm các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có tên trong **Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ** tại ngày 02 tháng 03 năm 2021.
4. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu thành viên HDQT với các nhiệm vụ cụ thể bao gồm:
  - Tổng hợp, lập danh sách những người ứng cử và được đề cử vào HDQT để thông qua tại Đại hội.
  - Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu.
  - Giải quyết các khiếu nại (nếu có) về bầu thành viên HDQT.

**Điều 2: Số lượng, điều kiện và tiêu chuẩn được ứng cử, đề cử vào HDQT**

1. Số lượng thành viên HDQT được bầu là 06 (sáu) thành viên; trong đó, ít nhất 1/3 số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập.
2. Điều kiện và tiêu chuẩn thành viên HDQT
  - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
  - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
  - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

### 3. Điều kiện và tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, phụ cấp từ công ty, trừ các khoản thù lao, thưởng mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.

### **Điều 3: Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử, ứng cử thành viên để bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2025:
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên.
  - Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên.
  - Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên.
  - Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên.
  - Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên.
  - Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 ứng viên.
  - Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 ứng viên.
  - Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 ứng viên.
2. Trường hợp số ứng cử viên HĐQT được cổ đông hoặc nhóm cổ đông (Khoản 1 Điều này) đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT đề cử.

### **Điều 4: Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào vị trí thành viên HĐQT**

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu bổ sung vào HĐQT bao gồm:
  - Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT (*theo mẫu Công ty*), hoặc Biên bản họp nhóm (nếu nhóm cổ đông đề cử).
  - Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (*theo mẫu Công ty*).
  - Bản sao Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), CMND/CCCD (hoặc hộ chiếu) và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn của ứng viên.
  - Tài liệu chứng minh người ứng cử hoặc đề cử sở hữu cổ phiếu LCG.
2. Hồ sơ tham gia ứng cử/ đề cử thành viên HĐQT phải được gửi về Ban Tổ chức Đại hội trước 12h00' ngày 30 tháng 03 năm 2021 theo địa chỉ sau đây:
  - Địa chỉ: Công ty Cổ phần LICOGI 16, 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM
  - Điện thoại: (84) 028 38411375      Fax: (84) 028 38411376

3. Hồ sơ tham gia ứng cử/ đề cử phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Đối với trường hợp đề cử cần phải ghi rõ cổ đông/ nhóm cổ đông, số lượng từng loại cổ phiếu của cổ đông/ nhóm cổ đông, tên người được đề cử, chữ ký của cổ đông/nhóm cổ đông đề cử và người được đề cử (*theo mẫu Công ty kèm theo Quy chế này*).
4. Chỉ những hồ sơ ứng cử/ đề cử đáp ứng đủ điều kiện ứng cử/ đề cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định thì mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại Đại hội.

#### **Điều 5: Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu**

1. Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu gồm 04 (bốn) người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách ứng cử và/ hoặc đề cử vào HĐQT.
2. Nhiệm vụ của Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu:
  - Công bố tại Đại hội, giải thích, hướng dẫn cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông về Quy chế bầu thành viên HĐQT.
  - Phát phiếu bầu cho cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội
  - Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông.
  - Tổ chức kiểm phiếu.
  - Lập Biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố kết quả trước Đại hội đồng cổ đông.
  - Cùng Chủ tọa Đại hội giải quyết các khiếu nại liên quan tới việc bầu thành viên HĐQT (nếu có).
3. Các nguyên tắc làm việc của Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu:
  - Tuân thủ Quy chế này;
  - Thận trọng, trung thực, công bằng, khách quan, minh bạch.
4. Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm trước pháp luật và cổ đông về kết quả kiểm phiếu.

#### **Điều 6: Thủ tục, trình tự bầu thành viên HĐQT**

1. Ban bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu hướng dẫn bầu cử tại Đại hội và phát 01 (một) “**phiếu bầu HĐQT**” cho mỗi cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội.
2. Khi được phát Phiếu bầu, cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải kiểm tra lại tổng số cổ phần của Phiếu bầu được phát. Nếu tổng số cổ phần ghi trên Phiếu bầu không bằng với tổng số cổ phần của cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó sở hữu/ đại diện, cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải thông báo ngay cho Ban bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu tại thời điểm nhận phiếu để được kiểm tra lại và xử lý kịp thời.
3. Cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông lựa chọn các ứng cử viên mình tin nhiệm để bầu trong danh sách các ứng cử viên đã ghi sẵn trên mỗi phiếu bầu và thực hiện bầu thành viên HĐQT theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại **Điều 8** Quy chế này.
4. Trong trường hợp viết sai trên Phiếu bầu, cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông không được tẩy xóa mà phải đề nghị Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu đổi lại Phiếu bầu mới.
5. Cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông hoàn tất việc điền vào Phiếu bầu, ký tên trên Phiếu bầu và bỏ vào Hòm phiếu do Ban Tổ chức Đại hội chuẩn bị sẵn.



## **Điều 7: Phiếu bầu thành viên HĐQT**

1. Phiếu bầu do Ban Tổ chức Đại hội phát hành và bao gồm các nội dung, đặc điểm sau:
  - a. Thông tin về cổ đông và cổ phần: Mã cổ đông; Tên cổ đông; Số cổ phần sở hữu; Số cổ phần được ủy quyền; Cổ đông đại diện sở hữu; Tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền; Tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết.
  - b. Danh sách các ứng cử viên thành viên HĐQT.
  - c. Được đóng dấu treo của Công ty (đóng dấu ở phía trên, bên góc trái của phiếu).
2. Phiếu bầu không hợp lệ sẽ không có giá trị khi kiểm phiếu và không được tính vào kết quả bầu cử. Các Phiếu bầu không hợp lệ bao gồm:
  - a. Phiếu không phải do Ban Tổ chức Đại hội phát hành, không đóng dấu treo của Công ty.
  - b. Phiếu bị rách, gạc, tẩy xóa, sửa chữa nội dung.
  - c. Phiếu bầu quá số thành viên HĐQT theo quy định hoặc không bầu ai trong danh sách ứng cử và/ hoặc đề cử đã được Đại hội thông qua.
  - d. Phiếu bầu ghi thêm tên những người ngoài danh sách ứng cử và/hoặc đề cử đã được Đại hội thông qua.
  - e. Phiếu bầu có tổng cộng số phiếu bầu cho tất cả ứng cử viên mà cổ đông chọn lớn hơn tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết của cổ đông.
  - f. Phiếu bầu nộp cho Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu đã kết thúc vào hòm phiếu đã được niêm phong.
  - g. Phiếu bầu thiếu chữ ký hợp lệ của cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông hoặc có chữ ký nhưng không hợp lệ, không được ký bởi cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông.
  - h. Phiếu bầu không sử dụng một trong hai phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 8 hoặc sử dụng cả hai phương thức đó.

## **Điều 8: Phương thức bầu dồn phiếu**

1. Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông có quyền lựa chọn thực hiện theo một trong hai phương thức bầu dồn phiếu sau đây:
  - a. **Cách 1:** Bầu dồn đều phiếu cho các ứng cử viên.  
Theo phương thức này, cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu gạch chéo (X) vào dòng tương ứng với tên ứng cử viên được lựa chọn tại cột “Cách 1: Bầu dồn đều”.  
Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông chọn (x) số thành viên được bầu HĐQT.
  - b. **Cách 2:** Số phiếu bầu phân bổ cho từng ứng cử viên.  
Theo phương thức này, cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông ghi trực tiếp số phiếu bầu cho từng ứng cử viên được lựa chọn tại cột “Cách 2: Bầu phân bổ”.  
Số phiếu bầu của mỗi ứng cử viên có thể khác nhau tùy thuộc sự tín nhiệm của cổ đông đối với mỗi ứng cử viên.
2. Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông chỉ lựa chọn một trong hai phương thức bầu dồn phiếu nêu tại Khoản 1 Điều này để đảm bảo Phiếu bầu là hợp lệ.
3. Số phiếu bầu của từng ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết ghi ở phần thông tin cổ đông.
4. Mỗi cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết tương ứng với Tổng số cổ phần sở hữu/đại diện nhân với (x) số thành viên được bầu của HĐQT.

5. Ví dụ minh họa:

- Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu sáu (06) thành viên HĐQT, có 06 ứng cử viên tham gia ứng cử thành viên HĐQT.
- Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 1.000 cổ phần.
- Tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A là:  $1.000 \times 6 = 6.000$  phiếu bầu.
- Cổ đông Nguyễn Văn A có quyền lựa chọn một trong hai phương thức bầu dồn phiếu và điền như sau để đảm bảo tính hợp lệ của Phiếu bầu:

Cách 1: Bầu dồn đều (chọn 06 ứng cử viên được bầu HĐQT)

Mã số	Họ và tên ứng viên	Cách 1: Bầu dồn đều (Đánh dấu x vào 06 ô trống)	Cách 2: Bầu phân bổ (Ghi số lượng phiếu bầu)
01	Ứng viên 1	<input checked="" type="checkbox"/>	
02	Ứng viên 2	<input checked="" type="checkbox"/>	
03	Ứng viên 3	<input checked="" type="checkbox"/>	
04	Ứng viên 4	<input checked="" type="checkbox"/>	
05	Ứng viên 5	<input checked="" type="checkbox"/>	
06	Ứng viên 6	<input checked="" type="checkbox"/>	

Cách 2: Bầu phân bổ

Trường hợp 1: Số phiếu bầu phân bổ cho từng ứng cử viên

Mã số	Họ và tên ứng viên	Cách 1: Bầu dồn đều (Đánh dấu x vào 06 ô trống)	Cách 2: Bầu phân bổ (Ghi số lượng phiếu bầu)
01	Ứng viên 1	<input type="checkbox"/>	1.000
02	Ứng viên 2	<input type="checkbox"/>	
03	Ứng viên 3	<input type="checkbox"/>	2.000
04	Ứng viên 4	<input type="checkbox"/>	2.000
05	Ứng viên 5	<input type="checkbox"/>	500
06	Ứng viên 6	<input type="checkbox"/>	500

Trường hợp 2: Bầu dồn hết phiếu cho một ứng cử viên

Mã số	Họ và tên ứng viên	Cách 1: Bầu dồn đều (Đánh dấu x vào 06 ô trống)	Cách 2: Bầu phân bổ (Ghi số lượng phiếu bầu)
01	Ứng viên 1	<input type="checkbox"/>	
02	Ứng viên 2	<input type="checkbox"/>	6.000
03	Ứng viên 3	<input type="checkbox"/>	
04	Ứng viên 4	<input type="checkbox"/>	
05	Ứng viên 5	<input type="checkbox"/>	
06	Ứng viên 6	<input type="checkbox"/>	

**Điều 9: Kiểm phiếu**

- Việc kiểm phiếu được Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và được thực hiện ở một phòng riêng có sự giám sát của đại diện cổ đông.
- Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu kiểm đếm toàn bộ Phiếu bầu được bỏ vào Hòm phiếu, xác định số phiếu hợp lệ và không hợp lệ theo quy định, thống kê số lượng phiếu bầu cho từng ứng cử viên theo từng Phiếu bầu để tổng hợp kết quả kiểm phiếu.



3. Sau khi kiểm phiếu, Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu. Trưởng Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu đọc Biên bản này ngay tại Đại hội.
4. Sau khi công bố Biên bản kết quả kiểm phiếu, Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu niêm phong toàn bộ Phiếu bầu đã được kiểm đếm và bàn giao Biên bản này cùng với các Phiếu bầu (đã được niêm phong) cho Thư ký Đại hội.
5. Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu có thể yêu cầu các chuyên viên tham gia hỗ trợ trong quá trình kiểm tra Phiếu bầu thành viên HĐQT nhằm đảm bảo tiến độ kiểm phiếu.

**Điều 10: Điều kiện trúng cử**

1. Người trúng cử thành viên HĐQT tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và được nhiều phiếu hơn tính theo thứ tự số phiếu đạt được từ cao đến thấp đến tối đa số người trúng cử theo quy định.
2. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho HĐQT, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên theo quy định.
3. Trường hợp phải lựa chọn một trong hai ứng viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì ứng viên nào đang có cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tịch tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

**Điều 11: Các quy định khác**

1. Mọi cổ đông/dại diện theo ủy quyền của cổ đông đều có quyền chất vấn trước Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc bầu thành viên HĐQT.
2. Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử phải được xem xét và giải quyết ngay tại Đại hội. Trường hợp có khiếu nại, Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.
3. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua và chỉ được áp dụng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2021.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Lưu hồ sơ ĐHĐCĐ 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**BÙI DƯƠNG HÙNG**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN  
THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16 NHIỆM KỲ 2021 – 2025**

**Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16**

Tôi tên là (tổ chức/cá nhân): .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):.....

Hiện đang sở hữu: .....cổ phần (*Bằng chữ* .....

Tương ứng: ..... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Đề nghị Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần LICOGI 16 cho tôi được đề cử:

Ông/Bà: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: .....cổ phần (*Bằng chữ* .....

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần LICOGI 16 nhiệm kỳ 2021 – 2025 trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Trân trọng cảm ơn.

**Người được đề cử**

(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng ..... năm 2021

**Người đề cử**

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)

**Hồ sơ kèm theo:**

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), CMND/CCCD/Hộ chiếu và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn của ứng viên;
- Tài liệu chứng minh người đề cử sở hữu cổ phần LCG trong vòng 6 tháng liên tục trở lên.

**Đơn đề cử cùng các hồ sơ gửi kèm phải gửi về Ban Tổ chức ĐHĐCĐ trước 12h00 ngày 30/03/2021.**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN ỨNG CỬ THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16 NHIỆM KỲ 2021 – 2025**

**Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16**

Tên tôi là:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/DKDN số:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn: .....

Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần (*Bằng chữ:* .....

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

Đề nghị Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần LICOGI 16 cho tôi được tự ứng cử vào HĐQT Công ty Cổ phần LICOGI 16 nhiệm kỳ 2021 – 2025 trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Trân trọng cảm ơn.

....., ngày..... tháng ..... năm 2021

**Người ứng cử**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Hồ sơ kèm theo:**

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), CMND/CCCD/Hộ chiếu và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn của ứng viên;
- Tài liệu chứng minh người ứng cử sở hữu cổ phần LCG trong vòng 6 tháng liên tục trở lên.

**Đơn ứng cử cùng các hồ sơ gửi kèm phải gửi về Ban Tổ chức ĐHĐCĐ trước 12h00 ngày 30/03/2021.**



Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: .....(đồng)

Làm ứng viên tham gia HĐQT Công ty Cổ phần LICOGI 16 nhiệm kỳ 2021 – 2025 trong kỳ ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Biên bản này được lập vào lúc ..... giờ, ngày ..... /...../2021 tại .....

Người được đề cử  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đại diện nhóm cổ đông  
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)

**Hồ sơ kèm theo:**

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), CMND/CCCD/Hộ chiếu và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn của ứng viên;
- Tài liệu chứng minh cổ đông sở hữu cổ phần LCG trong vòng 6 tháng liên tục trở lên.

***Biên bản họp nhóm đề cử ứng viên cùng các hồ sơ gửi kèm phải gửi về Ban Tổ chức ĐHĐCĐ trước 12h00 ngày 30/03/2021.***



Số/No.: 59 /LICOGI16-CN&amp;TT

TP.HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2021  
Hochiminh City, March 10<sup>th</sup> 2021

**TÓM TẮT SỞ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY 02/03/2021 ĐỂ THỰC HIỆN QUYỀN THAM DỰ  
ĐIỀU CHỈNH THƯỜNG NIÊN 2021**

**SHAREHOLDING STRUCTURE REGISTERED ON DATE 02/03/2021 FOR THE PURPOSE OF CONFIRMING  
THE RIGHTS TO JOIN IN THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2021**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
To: Hochiminh Stock Exchange

**I. CƠ CẤU SỞ HỮU/ SHAREHOLDING STRUCTURE**

**1. Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông/ Shareholding structure on type of shareholder basis**

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
NO.	Subject	Number of shares	Proportional ownership (%)	Number of shareholders	Institution	Individual
1	Cổ đông Nhà nước/ The State as shareholder	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/ Cổ đông FDI/ Founder/ FDI Shareholder	0	0	0	0	0
	- Trong nước/ Domestic	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài/ Foreign	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn/ Major Shareholders	22.356.453	19,07	3	0	3
	- Trong nước/ Domestic	22.356.453	19,07	3	0	3
	- Nước ngoài/ Foreign	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty/ Labor Union	7.937	0,01	1	1	0
	- Trong nước/ Domestic	7.937	0,01	1	1	0
	- Nước ngoài/ Foreign	0	0	0	0	0



5	Cổ phiếu quỹ/ <i>Treasury shares</i>	2.000.338	1,71	1	1	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ <i>Preferred stocks</i>	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác/ <i>Other shareholders</i>	92.883.782	79,21	11.174	78	11.096
	- Trong nước/ <i>Domestic</i>	89.122.073	76,00	11.069	61	11.008
	- Nước ngoài/ <i>Foreign</i>	3.761.709	3,21	105	17	88
<b>TỔNG CỘNG/ TOTAL</b>		<b>117.248.510</b>	<b>100,00</b>	<b>11.179</b>	<b>80</b>	<b>11.099</b>
<i>Trong đó: - Trong nước/ Domestic</i>		<i>113.486.801</i>	<i>96,79</i>	<i>11.074</i>	<i>63</i>	<i>11.011</i>
<i>- Nước ngoài/ Foreign</i>		<i>3.761.709</i>	<i>3,21</i>	<i>105</i>	<i>17</i>	<i>88</i>

2. Cơ cấu sở hữu theo Cổ đông lớn và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NDTCKCN)

*Shareholding structure on Major shareholder and professional investor basis*

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)/ <i>Shareholding structure</i>	
					<i>Tổ chức</i>	<i>Cá nhân</i>
<i>NO.</i>	<i>Subject</i>	<i>Number of Share</i>	<i>Proportional ownership (%)</i>	<i>Number of Shareholders</i>	<i>Institution</i>	<i>Individual</i>
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN/ <i>Major Shareholders (excluding Professional investors)</i>	22.356.453	19,07	3	0	3
	- Trong nước/ <i>Domestic</i>	22.356.453	19,07	3	0	3
	- Nước ngoài/ <i>Foreign</i>	0	0	0	0	0
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VDL trở lên/ <i>Professional investors holding an amount of share exceeding 5% of paid-up capital</i>	0	0	0	0	0
	- Trong nước/ <i>Domestic</i>	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài/ <i>Foreign</i>	0	0	0	0	0
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% VDL <i>Professional investors which hold share in an amount under 5% of the paid-up capital</i>	1.694.782	1,45	44	44	0
	- Trong nước/ <i>Domestic</i>	3.579	0,01	32	32	0
	- Nước ngoài/ <i>Foreign</i>	1.691.203	1,44	12	12	0
<b>TỔNG CỘNG/ Total</b>		<b>24.051.235</b>	<b>20,52</b>	<b>47</b>	<b>44</b>	<b>3</b>

3. Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phiếu/ Shareholding structure on type of share basis

Đối tượng <i>Subject</i>	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng <i>Number of transfer restriction shares</i>			Số lượng CP chuyển nhượng tự do <i>Number of free transfer shares</i>	Tổng cộng <i>Total</i>	Tỷ lệ sở hữu (%) <i>Proportional ownership (%)</i>
	2(**)					
1	(1)	(2)	(3)			
I. Cổ đông nội bộ				23.897.458	23.897.458	20,38
II. Cổ phiếu quỹ				2.000.338	2.000.338	1,71
III. Công đoàn Công ty				7.937	7.937	0,01
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)				0	0	0
V. Cổ đông khác				91.342.777	91.342.777	77,90
1. Trong nước				87.639.868	87.639.868	74,75
1.1 Cá nhân				83.300.848	83.300.848	71,05
1.2 Tổ chức				4.339.020	4.339.020	3,70
Trong đó Nhà nước:						
2. Nước ngoài				3.702.909	3.702.909	3,15
2.1 Cá nhân				837.132	837.132	0,71
2.2 Tổ chức				2.865.777	2.865.777	2,44
<b>TỔNG CỘNG:</b>				<b>117.248.510</b>	<b>117.248.510</b>	<b>100,00</b>

310209  
 CÔNG TY  
 PHẦN  
 CỐNG  
 T. PHỐC

II. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT  
LIST OF SHAREHOLDERS BY TYPE

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu/	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**)
No	Name of organization/ individual	ID/Passport number	Date of issue	Place of issue	Number of stock	Proportional ownership (%)	Number of transfer restriction shares
<b>A. Cổ đông nhà nước/State shareholders</b>							
<b>Tổng Cộng A/ Total A</b>					<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>B. Cổ đông lớn/ Major Shareholders</b>							
1	Nguyễn Văn Nghĩa	130149322	21/11/2005	Số 13 phố Tân An, P. Tân Dân, TP. Việt Trì, Phú Thọ	8.877.191	7,57	0
2	Phan Ngọc Hiếu	182004567	04/04/2016	09 Khu biệt thự Vườn Mai, ECOPARK, Hưng Yên	6.745.211	5,75	0
3	Bùi Dương Hùng	011536707	25/02/2012	A4 khu Licogi 13, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	6.734.051	5,74	0
<b>Tổng Cộng B/ Total B</b>					<b>22.356.453</b>	<b>19,07</b>	<b>0</b>
<b>C. Cổ đông chiến lược/ Strategic shareholders</b>							
<b>Tổng Cộng C/ Total C</b>					<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)/ Founding partner/FDI Shareholder (in case Listed company is a FDI company)</b>							
<b>Tổng Cộng D/ Total D</b>					<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Tổng Cộng (A+B+C+D)/ Total (A+B+C+D)</b>					<b>22.356.453</b>	<b>19,07</b>	<b>0</b>

**III. DANH SÁCH CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**DETAILED SHAREHOLDING OF INTERNAL PERSONS**

STT No.	Họ tên  Name	Chức vụ  Position	Số lượng CP/ Number of shares			
			Hạn chế chuyển nhượng(*)  Transfer restriction	Chuyển nhượng tự do(*)  Free transfer	Tổng cộng  Total	Tỷ lệ sở hữu (%)  Proportional ownership (%)
1	Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT		6.734.051	6.734.051	5,74
2	Budiman Satrio Sudono Liem	Thành viên HĐQT		58.800	58.800	0,05
3	Phan Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT		6.745.211	6.745.211	5,75
4	Nguyễn Minh Khang	Thành viên HĐQT, Trưởng Ban KTNB		0	0	0
5	Nguyễn Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT		8.877.191	8.877.191	7,57
6	Tăng Quốc Thuộc	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc		739.997	739.997	0,63
7	Lê Thị Phương Nam	Phó Tổng giám đốc, Người UQ CBTT		678.704	678.704	0,58
8	Phí Ngọc Anh	Phó Tổng giám đốc		42.336	42.336	0,04
9	Trần Hữu Phong	Phó Tổng giám đốc		0	0	0
10	Nguyễn Văn Việt	Kế toán trưởng		21.168	21.168	0,02
11	Cao Ngọc Phương	Thành viên Ban KTNB		0	0	0
12	Lê Trung Vũ	Thành viên Ban KTNB		0	0	0
<b>TỔNG CỘNG/TOTAL:</b>				<b>23.897.458</b>	<b>23.897.458</b>	<b>20,38</b>

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Authorized person to disclose information



LÊ THỊ PHƯƠNG NAM

# BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2020 & MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

**Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16**

Hội đồng Quản trị báo cáo Đại hội về hoạt động của HĐQT năm 2020, phương hướng nhiệm vụ của năm 2021.

## A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020

### 1. Cơ cấu, các quyết định và kết quả thực hiện nghị quyết DIICD năm 2020

#### 1. Cơ cấu thành viên và phân công nhiệm vụ trong Hội đồng Quản trị

Cơ cấu Hội đồng Quản trị hiện tại gồm 06 thành viên, trong đó có 04 thành viên không điều hành bao gồm 02 thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty; theo dõi sát sao tình hình hoạt động của công ty để đưa ra những chỉ đạo và định hướng phù hợp, đồng thời kiểm soát việc thực thi của Ban Tổng giám đốc để bảo vệ quyền lợi chung của Công ty.

#### 2. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 16 đã tổ chức 08 cuộc họp chính vào các ngày 13/01/2020, 11/03/2020, 30/03/2020, 30/05/2020, 12/06/2020, 23/06/2020, 29/07/2020, 06/10/2020, theo đó một số chủ trương, quyết sách quan trọng đã được Hội đồng Quản trị thông qua.

#### 3. Các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã được ban hành:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-LICOGI16-HĐQT	13/01/2020	Nghị quyết về việc xin gia hạn thời gian phân phối cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ.
2	03/NQ-LICOGI16-HĐQT	24/02/2020	Nghị quyết về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
3	04/NQ-LICOGI16-HĐQT	11/03/2020	Nghị quyết về kết quả phân phối cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết.
4	12/NQ-LICOGI16-HĐQT	01/07/2020	Nghị quyết về việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young là đơn vị kiểm toán cho các BCTC năm 2020; thực hiện Hợp đồng Tổng thầu EPC dự án NMT MT KN Vạn Ninh; tìm kiếm khách hàng hợp tác hoặc chuyển nhượng một phần dự án KDC Long Tân; mua cổ phần Công ty CP BOO NMN Phú Ninh do phát hành thêm.
5	13/NQ-LICOGI16-HĐQT	29/07/2020	Nghị quyết về phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019.



6	14/NQ-LICOGI16-HĐQT	30/07/2020	Nghị quyết về điều chỉnh nhân sự Tiểu ban kiểm toán nội bộ; cử người đại diện quản lý phần vốn góp tại Công ty CP BOT 38; triển khai thực hiện dự án Khu đô thị mới Nam Minh Phương.
7	17/NQ-LICOGI16-HĐQT	13/10/2020	Nghị quyết về kế hoạch thực hiện Hợp đồng Tổng thầu EPC dự án NM ĐMT Đàm Trà Ổ; tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng phần còn lại dự án KDC Long Tân; chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty CP Tư vấn Đầu tư LICOGI 16.8.
8	18/QĐ-LICOGI16-HĐQT	17/11/2020	Quyết định về việc cử ông Cao Ngọc Phương đại diện vốn góp của Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông thay cho ông Hoàng Chí Phúc.

#### 4. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông 2020

Stt	Chủ trương thông qua của ĐHĐCĐ 2020	Kết quả thực hiện
1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020	Doanh thu hợp nhất đạt 133% và lợi nhuận hợp nhất đạt 148% so với kế hoạch
2	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020	10% lợi nhuận sau thuế
3	Chọn Công ty kiểm toán	Hoàn thành
4	Chia cổ tức 2019 là 12%	Hoàn thành, thực hiện chi 12% bằng cổ phiếu
5	Sửa đổi điều lệ Công ty	Đã ban hành điều lệ sửa đổi

## II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2020 vừa qua, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện đúng định hướng chiến lược 2016 – 2020 mà Đại hội đồng cổ đông 2016 đã thông qua và điều chỉnh tại Đại hội cổ đông năm 2020 như sau:

### 1. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

#### a. Đối với hoạt động xây lắp:

Hoạt động xây lắp vẫn luôn là hoạt động cốt lõi mang lại nguồn công việc và doanh thu chính cho LICOGI 16. Năm 2020, Công ty tập trung tối đa nguồn lực để tìm kiếm công việc trong lĩnh vực xây lắp, trong đó chú trọng đến các dự án lớn về hạ tầng, năng lượng tái tạo, khẳng định thương hiệu là một trong những doanh nghiệp lớn thi công hạ tầng giao thông và nâng tầm thành vị thế tổng thầu EPC.

Đóng góp vào doanh thu xây lắp của LICOGI 16 năm 2020 có thể kể đến doanh thu lớn của nhóm dự án năng lượng tái tạo với tổng doanh thu là 2.708 tỷ đồng, chiếm 81% doanh thu năm 2020, đến từ dự án Nhà máy điện mặt trời KN Vạn Ninh (1.424 tỷ) và Nhà máy điện mặt trời Mỹ Sơn 1 & 2 (794 tỷ). Đây cũng là nhóm dự án có doanh thu cao nhất năm 2020.

Tuy nhiên, doanh thu nhóm dự án hạ tầng giao thông chỉ đạt 11% là vấn đề đáng báo động.

#### b. Đối với hoạt động bất động sản:

Năm 2020, LICOGI 16 ghi nhận 96 tỷ đồng, tương đương 3% tổng doanh thu, từ doanh thu dự án Long Tân phần đất nền thương phẩm chuyển đổi từ cao tầng sang thấp tầng.

Phần lớn nguồn thu từ nhóm dự án bất động sản được ghi nhận trong giai đoạn 2016 – 2019 với lợi nhuận ghi nhận chiếm 75 – 80% tổng lợi nhuận gộp toàn Công ty, đã hỗ trợ cho dòng tiền hoạt động chung của Công ty trong những lúc thiếu hụt về dòng tiền.

### c. Đối với hoạt động đầu tư:

- Bất động sản tiếp tục là một mảng hỗ trợ đắc lực cho sự phát triển của Công ty khi đóng góp rất nhiều trong lợi nhuận và dòng tiền.
- Đánh giá, xem xét mức độ hiệu quả các dự án ngành nước, chủ trương thoái vốn các dự án hoạt động không hiệu quả.
- Một số dự án hạ tầng giao thông đang trong giai đoạn đầu đưa vào khai thác, chưa tạo ra nguồn tiền và lợi nhuận cho khoản vốn chủ đầu tư.
- Hai dự án điện mặt trời Solar Farm Chư Ngọc 15MWp và Solar Farm Nhơn Hải 35MWp đem lại nguồn doanh thu ổn định. LICOGI 16 đang đề xuất đưa vào bổ sung quy hoạch 4 dự án điện gió, phối hợp với các đối tác Nhật Bản và Đức để có phương án hợp tác và triển khai các dự án này.

## 2. Công tác tài chính

Năm 2020, dư nợ được cơ cấu điều chỉnh giảm rõ rệt, dư nợ cuối năm 2020 là 566 tỷ đồng, giảm 31% so với thời điểm đầu năm.

Về chi trả cổ tức 2019: Năm 2020, đã hoàn tất việc chi trả cổ tức với tỷ lệ 12% bằng cổ phiếu.

## 3. Trách nhiệm môi trường và xã hội

LICOGI 16 tham gia vào các dự án các dự án phát triển ngành công nghiệp điện năng không chỉ thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương ngày một đi lên mà còn thể hiện trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp khi khai thác các giải pháp năng lượng tái tạo, sử dụng tài nguyên hiệu quả và bền vững.

Hệ thống máy móc thiết bị đồng bộ và hiện đại được đầu tư thể hiện mối quan tâm của doanh nghiệp đến môi trường khi hạn chế lượng khí thải trong vận hành ra môi trường hay giảm thiểu lượng sản phẩm không đạt yêu cầu sản xuất.

Về nguồn nhân lực, năm 2020, lao động giảm 17.91% trong khi doanh thu tăng khoảng 141%. LICOGI 16 chú trọng công tác nguồn nhân lực đủ “chất” cho hoạt động sản xuất kinh doanh, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và tinh gọn bộ máy của các đơn vị phù hợp với định hướng phát triển, nâng cao năng suất lao động.

## 4. Về công tác thay đổi mô hình tổ chức Công ty và tăng cường công tác giao quyền tự chủ cho các đơn vị sản xuất

LICOGI 16 định hướng hoạt động theo mô hình Holdings, hoạt động trong 5 lĩnh vực gồm hạ tầng giao thông, bất động sản, năng lượng tái tạo, tiện ích và xây dựng dân dụng và công nghiệp. Các công ty con chuyên ngành đã thành lập, đại diện cho công ty mẹ LICOGI 16 quản lý và triển khai đối với từng dự án trong lĩnh vực của mình, bao gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích LICOGI 16 (LCG nắm 75% VCSH)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng LICOGI 16 (LCG nắm 95% VCSH)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo LICOGI 16 (LCG nắm 97% VCSH)
- Công ty Cổ phần Bất động sản LICOGI 16 (LCG nắm giữ 95% VCSH)

## III. LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020, đại hội đã thông qua thù lao đối với HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký LICOGI 16 là 0,2% doanh thu thuần hợp nhất và trích Quỹ thưởng HĐQT là 1% lợi nhuận sau thuế khi lợi nhuận đạt kế hoạch đề ra.

Thực tế, đã chi trả ngân sách hoạt động, quỹ lương và thù lao trong năm 2020 cho HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký tương ứng 0,08% doanh thu thuần hợp nhất. Phần còn lại dự kiến thực hiện chi trong năm 2021.



#### IV. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ban Tổng Giám đốc luôn bám sát các chỉ tiêu kế hoạch, nghị quyết, quyết định của DHDCD, của HĐQT, chủ động triển khai kế hoạch SXKD, tổ chức thực hiện một cách tích cực nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch đã đề ra. Những nỗ lực vượt kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh vừa qua của Ban Tổng Giám đốc là thành quả đáng được ghi nhận.
- Trong năm, Ban Tổng Giám đốc thực hiện nhiều giải pháp tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát chi phí, giao khoán tới cho các công trường giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Áp dụng công nghệ thông tin trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tạo thuận lợi cho việc kết nối nhanh chóng giữa các ban điều hành và văn phòng Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, chăm lo tốt đời sống người lao động; chủ động tổ chức đánh giá khó khăn, thuận lợi trong hoạt động SXKD hàng năm, chỉ rõ những hạn chế và tồn tại nhằm tìm giải pháp khắc phục.
- Năm 2020, mặc dù đại dịch Covid-19 tác động nặng nề đến tình hình kinh tế chung của cả nước, HĐQT ghi nhận nỗ lực cố gắng toàn thể Ban Tổng Giám đốc, CBCNV toàn Công ty, đem lại kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh vượt ngoài kỳ vọng.

#### V. THÔNG TIN SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ THEO DANH SÁCH CHỐT NGÀY 02/03/2021

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng (*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do(*)	Tổng cộng (*)	Tỷ lệ sở hữu % (*)
1	Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT		6.734.051	6.734.051	5,74
2	Budiman Satrio Sudono Liem	Thành viên HĐQT		58.800	58.800	0,05
3	Phan Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT		6.745.211	6.745.211	5,75
4	Nguyễn Minh Khang	Thành viên HĐQT, Trưởng Ban KTNB		0	0	0,00
5	Nguyễn Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT		8.877.191	8.877.191	7,57
6	Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT		739.997	739.997	0,63
7	Lê Thị Phương Nam	Phó Tổng giám đốc, Người được UQ CBTT		678.704	678.704	0,58
8	Phí Ngọc Anh	Phó Tổng giám đốc		42.336	42.336	0,04
9	Trần Hữu Phong	Phó Tổng giám đốc		0	0	0,00
10	Nguyễn Văn Việt	Kế toán trưởng		21.168	21.168	0,02
11	Cao Ngọc Phương	Thành viên Ban KTNB		0	0	0,00
12	Lê Trung Vũ	Thành viên Ban KTNB		0	0	0,00
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>23.897.458</b>	<b>23.897.458</b>	<b>20,38</b>

## B. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2021

LICOGI 16 tiếp tục triển khai các dự án chuyển tiếp năm 2020 và thực hiện theo định hướng của HĐQT nhiệm kỳ IV (2021 – 2025):

- Đối với hoạt động xây lắp:
  - Hoàn thành các hạng mục còn tồn đọng, quyết toán, khép gọn các dự án dở dang trong năm 2021.
  - Hoàn thành các thủ tục pháp lý dự án Hữu Nghị – Chi Lăng, xem xét thu hồi vốn đã đầu tư hoặc điều chỉnh giảm giá trị vốn chủ đã góp vào dự án.
  - Tải cấu trúc tài chính các dự án năng lượng hiện có; phát triển đầu tư khoảng 1000MWp điện năng lượng tái tạo gồm điện gió, điện mặt trời; triển khai tiếp cận chào thầu một số dự án điện mặt trời nổi với tổng quy mô công suất trên 3000MWp.
  - Hoàn thiện mô hình năng lực theo định hướng tổng thầu EPC.
  - Đẩy mạnh công tác tìm kiếm các dự án mới, phù hợp, kể cả xây dựng cơ chế tìm việc nhằm thu hút nhân sự, đối tác cùng LICOGI 16 tìm kiếm công việc.
- Đối với hoạt động bất động sản:
  - Hoàn tất các thủ tục để chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án Diên Phước, Long Tân City.
  - Tiếp tục triển khai các dự án: Nam Phương 3,4ha, Chung cư N1 Long Tân City, Chung cư khu đất 37 Tây Thạnh, Dự án lấn biển 550ha Hậu Lộc, Nhà ở xã hội Nghi Sơn.
  - Tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án mới phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đối với hoạt động đầu tư:
  - Cấu trúc lại ngành tiện ích, đặc biệt ngành nước theo hướng thoái vốn những dự án không hiệu quả.
  - Cơ cấu nợ vay, tối ưu hóa dòng tiền.
- Đối với nhân lực và quản trị doanh nghiệp:
  - Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên chuyên nghiệp, trẻ hóa đội ngũ, hướng tới công tác đào tạo thông qua trải nghiệm thực tế trong quá trình làm việc.
  - Lựa chọn, tập trung đào tạo nguồn lực phù hợp mục tiêu văn hóa doanh nghiệp, xây dựng và bồi đắp văn hóa doanh nghiệp.
  - Hoàn thiện hệ thống quy trình quản trị, phân quyền trong công tác điều hành, giao tự chủ cho công ty con và có cơ chế giám sát.
  - Tổ chức thành công sự kiện kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty, triển khai quảng bá thương hiệu của Công ty giai đoạn mới.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ Công ty năm 2021.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



BÙI DƯƠNG HÙNG





*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2021*

## BÁO CÁO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

#### I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẾN HẾT NĂM 2020

##### 1. Đánh giá tổng quan hoạt động doanh nghiệp

Năm 2020 là năm cuối cùng của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị giai đoạn 2016 – 2020 Công ty chuyển đổi theo định hướng mô hình hoạt động Holdings trong 5 lĩnh vực gồm: hạ tầng giao thông, bất động sản, năng lượng tái tạo, tiện ích, xây lắp. Mục tiêu hướng tới sẽ chuyên môn hóa bộ máy mà mỗi lĩnh vực sẽ có một công ty con đại diện cho công ty mẹ LICOGI 16 quản lý và triển khai đối với từng dự án trong lĩnh vực của mình bao gồm: Công ty CP Đầu tư Bất động sản LICOGI 16 (LCL), năng lượng tái tạo có Công ty CP Đầu tư Năng lượng tái tạo LICOGI 16 (LCE), tiện ích có Công ty CP Đầu tư Tiện ích LICOGI 16 (LCU) và xây lắp có Công ty CP Đầu tư Hạ tầng LICOGI 16 (LCI).

Trong suốt nhiệm kỳ, bộ máy liên tục được hoàn thiện cũng như cơ cấu nhằm đảm bảo phù hợp với tình hình hoạt động chung của Công ty cũng như thực tế đầu tư của doanh nghiệp.

Mô hình đầu tư đến hết năm 2020:



Trong các mảng đầu tư của Công ty theo hướng đặc thù ngoài việc đầu tư để thu được hiệu quả tài chính thì với các dự án đầu tư này công ty mẹ sẽ được tham gia đóng vai trò là nhà thầu thi công xây lắp do đó việc đầu tư sẽ đạt được mục tiêu lợi nhuận kép gồm lợi nhuận từ đầu tư tài chính và lợi nhuận từ hoạt động xây lắp.

Nổi bật trong năm 2020 là Công ty đã thi công hoàn thành COD được 5 dự án điện mặt trời, đây chính là lĩnh vực đóng góp chính trong doanh thu của Công ty, tạo ra bước đột phá để Công ty chinh phục được một lĩnh vực mới về năng lượng tái tạo bên cạnh lĩnh vực truyền thông là hạ tầng giao thông.

Ngoài ra bất động sản vẫn tiếp tục là một mảng hỗ trợ đắc lực cho sự phát triển của Công ty khi đóng góp rất nhiều trong lợi nhuận và dòng tiền.

## 2. Kết quả kinh doanh

Số liệu thực hiện năm 2020 trên cơ sở Báo cáo tài chính kiểm toán của công ty mẹ và hợp nhất, thông tin tóm tắt như sau:

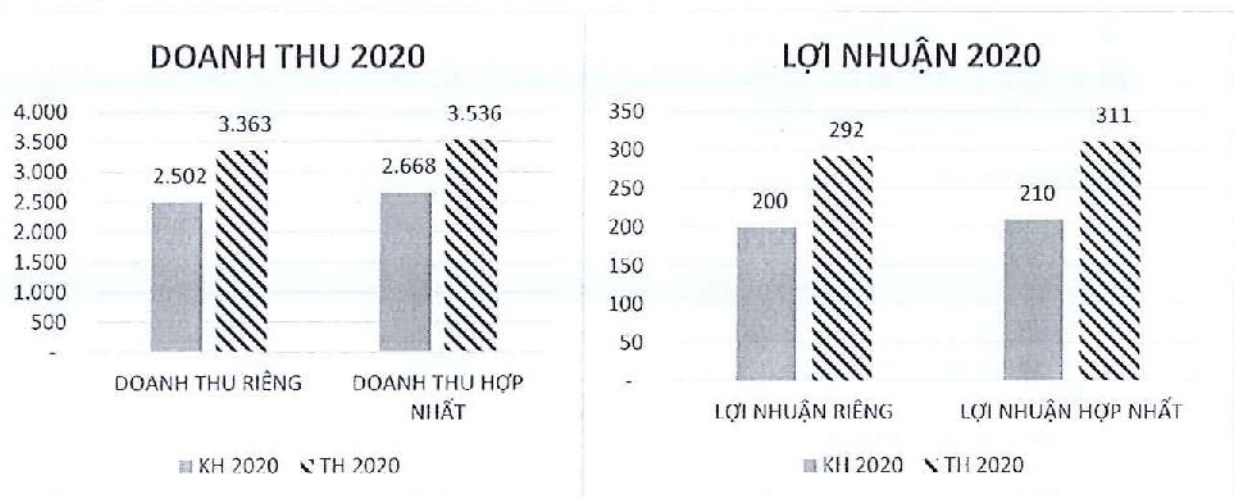
Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Báo cáo riêng			Báo cáo hợp nhất		
	Năm 2020	Năm 2019	Tăng trưởng	Năm 2020	Năm 2019	Tăng trưởng
<b>A. Kết quả kinh doanh</b>						
Doanh thu thuần	3,363	2,409	40%	3,536	2,536	39%
LN sau thuế	292	355	-18%	312	193	62%
LN thuộc về Cổ đông công ty mẹ	292	355	-18%	311	191	63%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,534	3,448	-27%	2,430	1,672	45%
<b>B. Bảng cân đối kế toán</b>						
<b>Tổng tài sản</b>	<b>5,370</b>	<b>4,740</b>	<b>13%</b>	<b>6,132</b>	<b>4,719</b>	<b>30%</b>
Tài sản ngắn hạn	3,637	3,028	20%	3,980	3,252	22%
Tài sản dài hạn	1,733	1,712	1%	2,152	1,466	47%
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>5,370</b>	<b>4,740</b>	<b>13%</b>	<b>6,132</b>	<b>4,719</b>	<b>30%</b>
Nợ phải trả	3,542	3,193	11%	4,286	3,131	37%
Vốn chủ sở hữu	1,828	1,547	18%	1,846	1,587	16%
<b>C. Chỉ tiêu tài chính</b>						
LN/ Tổng tài sản (ROA)	5.4%	7.5%	-2.1%	5.1%	4.3%	0.8%
LN Vốn chủ sở hữu (ROE)	16.0%	22.9%	-6.9%	16.8%	12.4%	4.4%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	7.3%	18.2%	-10.9%	8.6%	13.0%	-4.4%
Tỷ lệ Nợ phải trả/ Tổng tài sản	0.7	0.7	0.0%	0.7	0.65	4.9%

## Đánh giá khái quát:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH năm 2020	KH năm 2020	Tỷ lệ TH/KH	TH năm 2019	Tỷ lệ TH2020/TH 2019
			(năm 2020)		
<b>Báo cáo riêng</b>					
Doanh thu riêng	3,363	2,502	134%	2,409	140%
LN sau thuế riêng	292	200	146%	355	82%
<b>Báo cáo hợp nhất</b>					
Doanh thu HN	3,536	2,668	133%	2,536	139%
LN sau thuế HN	311	210	148%	193	161%



• **Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020:**

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Báo cáo riêng		Báo cáo hợp nhất	
	Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận
<b>Hoạt động sản xuất kinh doanh chính</b>	<b>3,363</b>	<b>248</b>	<b>3,536</b>	<b>305</b>
Hoạt động xây lắp	3,262	180	3,376	208
Hoạt động Bất động sản	97	66	97	65
Doanh thu bán hàng, dịch vụ khác	4	2	63	32
<b>Hoạt động tài chính</b>	<b>342</b>	<b>248</b>	<b>347</b>	<b>233</b>
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	326	326	326	317
Hoạt động tài chính khác và lãi vay	16	(78)	21	(84)
Thu nhập khác	4	1	4	1
Chi phí bán hàng		(8)		(8)
Chi phí QLDN		(139)		(160)
LN Công ty LDLK				2
LN trước thuế		349		373
Thuế TNDN		(57)		(61)
Lợi ích cổ đông thiểu số				(1)
LN sau thuế		292		311

Bảng kết quả kinh doanh theo hoạch định chiến lược giai đoạn 2016 – 2020 và thực tế đã thực hiện đến năm 2020:

KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2016-2020 (HOẠCH ĐỊNH 2016)

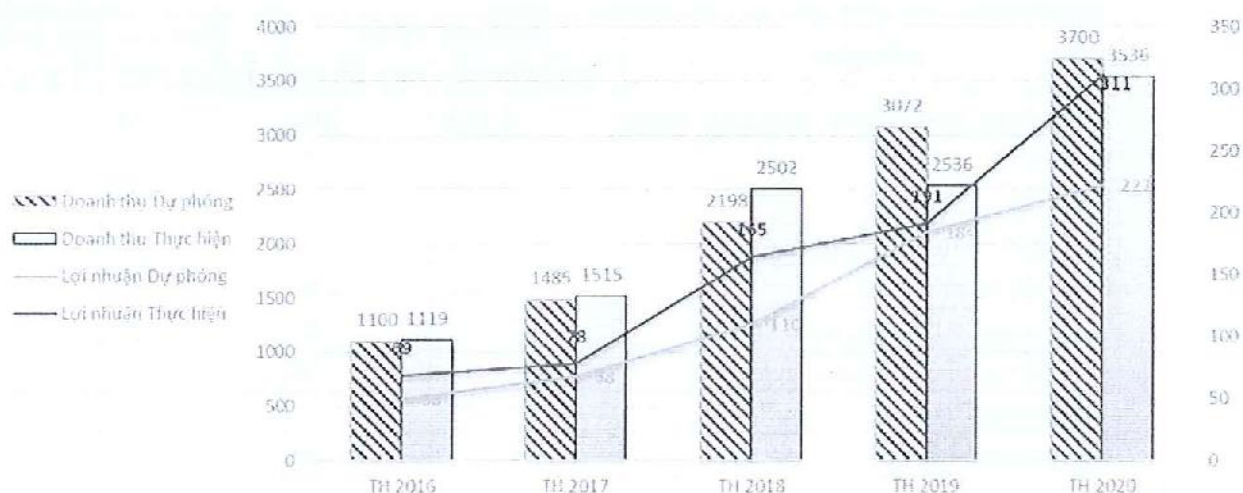
CHỈ TIÊU	KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020
Doanh thu DP	1100	1485	2198	3072	3700
LN sau thuế DP	50	68	110	184	222
Cổ tức	5%	7%	7%	10%	15%
Vốn chủ sở hữu	762	762	920	1170	1170
Lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu	7%	9%	12%	16%	19%

**KẾ HOẠCH HIỆU CHỈNH HÀNG NĂM**

CHỈ TIÊU	KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020
Doanh thu	1100	1500	2500	2733	2668
Lợi nhuận sau thuế	50	70	120	200	210

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020**

Stt	Chỉ tiêu	TH 2016	TH 2017	TH 2018	TH 2019	TH 2020
1	Doanh thu	1119	1515	2502	2536	3536
	<i>Tăng trưởng doanh thu</i>		35%	65%	1%	39%
2	Lợi nhuận sau thuế	69	78	165	191	311
	<i>Tăng trưởng lợi nhuận</i>		13%	111%	16%	63%
3	Cổ tức	7%	7%	12%	12%	15%
4	Vốn điều lệ	762	780	1000	1049	1172
5	Lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu	9%	10%	16%	18%	27%
6	EPS	906	1,000	1,646	1,821	2,654



Theo kế hoạch giai đoạn 2016 – 2020 thì doanh thu năm 2016 là 1100 tỷ và lợi nhuận 50 tỷ đồng đến năm 2020 doanh thu đạt 3.700 tỷ đồng và lợi nhuận đạt 222 tỷ đồng, thực tế quá trình triển khai thực hiện đến năm 2018 tất cả các chỉ tiêu đều vượt so với hoạch định, tuy nhiên, đến năm 2019 thì sau khi rà soát đánh giá lại các dự án tại thời điểm này có nhiều biến động so với hoạch định tại thời điểm năm 2016 do đó Công ty đã điều chỉnh lại kế hoạch cho phù hợp, giảm doanh thu nhưng tăng lợi nhuận.

Doanh thu năm 2020 đạt con số tăng trưởng vượt bậc, ghi nhận mức doanh thu lợi nhuận cao nhất từ thời điểm thành lập đến nay với giá trị thực hiện là **3.536 tỷ đồng (tăng 39% so với cùng kỳ năm 2019)** và **lợi nhuận đạt 311 tỷ (tăng 63% so với cùng kỳ năm 2019)**. Chỉ tiêu lợi nhuận/doanh thu là **8.8%** điều này thể hiện tỷ suất sinh lời, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp được cải thiện tốt hơn.

Bảng chi tiết doanh thu theo từng dự án

Đơn vị: tỷ đồng

Nội dung	TH năm 2020	Tỷ trọng	KH năm 2020	Tỷ lệ TH/KH (năm 2020)
<b>(I) Hoạt động xây lắp</b>	<b>3,380</b>	<b>96%</b>	<b>2,528</b>	<b>134%</b>
<b>(1) Năng Lượng Tái Tạo</b>	<b>2,708</b>		<b>1,910</b>	
Solar Vạn Ninh	1,424		997	
Solar Mỹ Sơn	794		609	
Solar Nhơn Hải	304		304	
Solar Trà Ô	186		-	
<b>(2) Hạ Tầng Giao Thông</b>	<b>139</b>		<b>211</b>	
Bắc Giang - Lạng Sơn	114		80	
Đường đua F1	-		111	
Xí nghiệp Vật liệu	25		-	
Vân Đồn - Móng Cái	-		20	
<b>(3) Xây dựng dân dụng, công nghiệp và Khác</b>	<b>533</b>	<b>-</b>	<b>407</b>	
Công trình điện	181		116	
Trường CĐ GTVT	119		125	
Công ty thành viên	109		166	
Khác	124		-	
<b>(II) Hoạt động Bất động sản</b>	<b>96</b>	<b>3%</b>	<b>140</b>	<b>69%</b>
Long Tân	96		140	
<b>(III) Doanh thu đầu tư</b>	<b>60</b>	<b>1%</b>	<b>-</b>	
LCE	60		-	
<b>Tổng cộng (I+II+III)</b>	<b>3,536</b>	<b>100%</b>	<b>2,668</b>	<b>133%</b>

Đánh giá doanh thu theo từng mảng

a. Doanh thu mảng hoạt động xây lắp

Đến năm 2020 thì hoạt động xây lắp vẫn là hoạt động cốt lõi mang lại nguồn công việc, doanh thu chính cho LICOGI 16. Trong đó điểm sáng nổi bật lên là các dự án về năng lượng tái tạo với tổng doanh thu của 5 dự án solar đạt doanh thu 2.708 tỷ trên tổng 3.381 tỷ doanh thu xây lắp. Sở dĩ đạt được doanh thu xây lắp lớn thế này do đặc thù các dự án solar có thời gian thi công ngắn, giá trị hợp đồng lớn do tỷ trọng thiết bị cao. Đây cũng là 5 dự án có doanh thu cao nhất trong năm 2020.

Cơ cấu doanh thu của từng lĩnh vực trong tổng doanh thu: năng lượng tái tạo 76%, hạ tầng giao thông, xây lắp điện, dân dụng và khác 24%. Việc tăng trưởng của lĩnh vực năng lượng tái tạo là điểm sáng tuy nhiên lĩnh vực hạ tầng giao thông và dân dụng công nghiệp đang gặp nhiều khó khăn từ sự cạnh tranh rất lớn của các đơn vị khác trong ngành.

Về tổng thể thì giá trị các hợp đồng xây lắp đã ký và thực hiện đến năm 2020 còn lại dờ dang chưa thực hiện chuyển tiếp sang năm 2020 là 27 tỷ đồng, về cơ bản các dự án đã được khép gọn hết trong năm 2020. Do đó kế hoạch doanh thu năm 2021 để tiếp tục giữ đà tăng trưởng thì yêu cầu đặt ra cần giải quyết chính là việc bổ sung thêm các công trình mới cũng như đẩy nhanh tiến độ ghi nhận doanh thu cho giai đoạn tiếp theo.

## b. Doanh thu mảng hoạt động bất động sản

Trong năm 2020 doanh thu của bất động sản chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ 96 tỷ tương đương 3% trên tổng doanh thu do về cơ bản việc kinh doanh ghi nhận doanh thu đã được đưa vào hết trong các năm từ 2016 – 2019, đối với năm 2020 chỉ là ghi nhận phần doanh thu cuối cùng còn lại từ dự án Long Tân phần đất nền thương phẩm chuyển đổi từ cao tầng sang thấp tầng.

Có thể thấy trong suốt giai đoạn từ năm 2016 – 2019 doanh thu thực hiện hàng năm của bất động sản đều vượt so với kế hoạch đã đề ra, và với tỷ lệ lợi nhuận gộp bình quân trên 20% thì doanh thu của bất động sản mặc dù chỉ chiếm 20% - 25% tổng doanh thu hợp nhất nhưng lợi nhuận đem lại chiếm tới 75 – 80% tổng lợi nhuận gộp toàn Công ty. Dòng thu của bất động sản liên tục, tập trung số lượng lớn cũng hỗ trợ cho dòng tiền hoạt động chung của Công ty trong những lúc thiếu hụt về dòng tiền, đặc biệt là giai đoạn Công ty đang đẩy mạnh đầu tư tài chính mà nguồn vốn tự có để tài trợ chưa có đủ.

## c. Doanh thu mảng hoạt động đầu tư

Đối với doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính thì trong năm Công ty ghi nhận phần doanh thu chuyển nhượng vốn góp từ hai dự án bất động sản là dự án Điện Phước và dự án Thịnh Liệt giúp bổ sung vào lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020.

## 3. Tài chính tín dụng

Hoạt động tín dụng trong kỳ chủ yếu vẫn trên cơ sở quan hệ tín dụng với ngân hàng BIDV và TPB sử dụng cho hạn mức vay chung và hạn mức vay tài trợ đầu tư tài sản máy móc thiết bị. Riêng ngân hàng MB được sử dụng hạn mức riêng cho hai gói dự án là Hữu Nghị Chi Lăng và KN Vạn Ninh.

Bảng tổng hợp tình hình biến động dư nợ:

Stt	Chi tiêu	Đầu năm	Hiện tại	Thay đổi	Ghi chú
I	Vay ngắn hạn	639	467	-26.9%	
1	BIDV	278	124	-55%	Hạn mức chung
2	TPB	133	104	-22%	Hạn mức chung 70 tỷ và DA Đảm Trả Ở 34 tỷ
3	VTB	180	-	-100%	
4	MB	48	239	398%	Hạn mức DA Hữu Nghị 47 tỷ và DA KN Vạn Ninh 192 tỷ
II	Vay dài hạn	187	99	-47%	
1	BIDV	27		-100%	
2	TPB	128	78	-39%	
3	VILC	33	22	-34%	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>826</b>	<b>566</b>	<b>-31%</b>	

Về tổng thể thì dư nợ trong năm được cơ cấu điều chỉnh giảm rõ rệt gồm cả nợ vay dài hạn và nợ vay ngắn hạn. Dư nợ tại thời điểm cuối năm là 566 tỷ giảm 31% so với thời điểm đầu năm.

Trong đó:

- Đối với khoản nợ vay ngắn hạn theo hạn mức chung tại ngân hàng BIDV và TPB tổng dư nợ đầu năm là 410 tỷ thì sau khi có nguồn thu từ chuyển nhượng dự án bất động sản đã thực hiện rút một phần tài sản và điều chỉnh lại hạn mức tín dụng, dư nợ tại thời điểm hiện tại là 194 tỷ đồng.

- Đối với các khoản vay dài hạn: các khoản vay dài hạn liên quan đến khoản đầu tư máy móc thiết bị, hiện khoản vay tại BIDV đã được tất toán, đối với khoản vay tại TPB và thuê mua tài chính VILC thì trong vòng 2 năm tiếp theo sẽ tất toán hết. Như vậy toàn bộ tài sản máy móc thiết bị có giá trị tương đương 400 tỷ đã được thanh toán hết, Công ty sẽ chủ động trong việc sử dụng tài sản này để huy động vốn tín dụng nếu cần thiết.

#### **4. Hoạt động đầu tư theo từng lĩnh vực**

Tổng giá trị đã đầu tư lũy kế trong 5 lĩnh vực chính của Công ty gồm bất động sản, giao thông, năng lượng, hạ tầng tiện ích và xây dựng đến hết năm 2020 là 1.329 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 54% trên tổng giá trị đầu tư đăng ký (2.443 tỷ đồng). Trong đó cơ cấu lĩnh vực đầu tư thì mảng hạ tầng giao thông vẫn là mảng đầu tư cốt lõi chiếm tỷ trọng đầu tư cao nhất của Công ty với tỷ lệ 47%, tiếp đến là lĩnh vực năng lượng tái tạo với tỷ lệ 29%, xu hướng đầu tư của lĩnh vực năng lượng tái tạo đang có tăng dần trong bảng cơ cấu tổng thể đầu tư của doanh nghiệp.

Phân loại theo lĩnh vực đầu tư thì cơ cấu cụ thể:

Stt	Lĩnh vực	Giá trị đầu tư đăng ký	Giá trị thực hiện lũy kế	Tỷ trọng đầu tư từng lĩnh vực	Tỷ trọng đã thực hiện/đăng ký	TH 2020
1	BDS	228	89	7%	39%	2
2	Giao thông	791	631	47%	80%	-
3	Năng lượng	1,203	389	29%	32%	37
4	Tiện ích	135	135	10%	100%	12
5	XD	86	86	6%	100%	-
	<b>Tổng cộng (tỷ đồng)</b>	<b>2,443</b>	<b>1,329</b>	<b>100%</b>	<b>54%</b>	<b>52</b>

##### **a. Lĩnh vực năng lượng:**

Trong lĩnh vực năng lượng tái tạo hiện nay đang thực hiện đầu tư trong công ty LCE là đơn vị chuyên quản trong lĩnh vực này và bốn công ty dự án gồm hai công ty solar đã hoàn thành việc đầu tư đi vào hoạt động có nguồn thu ổn định và hai công ty điện gió đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục pháp lý để triển khai xây dựng.

Hai dự án điện gió với giá trị đầu tư đăng ký rất lớn là 776 tỷ đồng, tuy nhiên, do trong năm 2020 mới đang trong quá trình thực hiện pháp lý nên giá trị vốn đã tham gia đang còn rất nhỏ và dự kiến sẽ bắt đầu tập trung nguồn tiền đầu tư từ giai đoạn cuối năm 2021.

##### **Thông tin chi tiết các dự án:**

###### **\* NMD Mặt trời Solar Chư Ngọc – Gia Lai**

Giai đoạn 1 công suất 15Mwp đã hoàn thành với doanh thu năm 2020: 47,2 tỷ (trước VAT), bằng 101% theo doanh thu trong FS của năm 2 (đã tính độ sụt giảm công suất tấm pin năm đầu 2%). Thực tế trong năm 2020 giai đoạn từ tháng 10 – 12/2020 do ảnh hưởng của hoàn lưu bão, thời tiết, ưu tiên cho các dự án thủy điện phát hết công suất là các yếu tố bất lợi làm giảm công suất, thực tế nếu không có các yếu tố bất lợi trên thì nhà máy có thể đạt 105 – 110% so với FS, hiện nay đã thực hiện phát theo công suất ổn định.

Giai đoạn 2 công suất 25Mwp đã hoàn thiện thủ tục pháp lý, đang chờ phê duyệt về cơ chế đấu giá điện từ chính phủ để có thể triển khai đầu tư xây dựng trong năm 2021.

### \* NMD Mặt trời Solar Nhơn Hải – Ninh Thuận

Doanh thu 6 tháng cuối năm 2020 là 38.3 tỷ, chỉ đạt 65% sản lượng theo công suất thiết kế tính toán (PVSystem). Do ảnh hưởng của các yếu tố về thời tiết cực đoan giai đoạn từ tháng 10 – 12/2020 đồng thời ưu tiên việc phát hết công suất của các dự án thủy điện cũng như việc lên lưới tại chỗ của các dự án nhỏ dưới 1Mwp. Dự kiến đến hết quý 2/2021 thì công suất phát sẽ được ổn định.

### \* Dự án Điện gió khác

Hiện nay, Công ty đang phát triển 4 dự án điện gió gồm: dự án điện gió Thăng Hưng tại Gia Lai công suất 100Mwp, hai dự án điện gió tại Quảng Trị tổng công suất 96Mwp và một dự án điện gió Iator tại Gia Lai công suất 100Mwp. Theo kế hoạch ban đầu dự kiến dự án điện gió Thăng Hưng sẽ đưa vào quy hoạch điện VII, tuy nhiên, theo thông tin mới nhất từ chính phủ thì sẽ rà soát đánh giá lại về tình trạng triển khai toàn bộ các dự án đã được bổ sung quy hoạch để làm cơ sở tiếp tục việc phê duyệt cho các dự án tiếp theo. Do đó đối với 4 dự án của Công ty đang phát triển sẽ phải chờ đợi thêm thông tin chính sách từ chính phủ, tuy nhiên Công ty vẫn đang làm việc với các đối tác Nhật Bản và Đức để có phương án hợp tác và triển khai các bước chuẩn bị trước cho dự án.

Ngoài ra theo định hướng lâu dài trong việc phát triển lĩnh vực năng lượng tái tạo nên Công ty cũng đang lên danh sách các dự án trong lĩnh vực điện mặt trời nổi và điện gió ngoài khơi để xin đề xuất đầu tư tại Gia Lai, Bình Phước, Ninh Thuận.

### b. Lĩnh vực hạ tầng giao thông:

Việc đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng giao thông ngoài mục tiêu thu lợi nhuận tài chính từ việc đầu tư thì còn đem lại nguồn công việc cho mảng xây dựng nhằm duy trì hoạt động tạo nguồn lợi nhuận ổn định và tạo nguồn tiền ngắn hạn hỗ trợ cho hoạt động đầu tư. Hiện nay theo quy định mới của chính phủ trong luật đầu tư các dự án PPP thì cũng tạo ra hành lang và cơ chế rõ ràng để các nhà đầu tư BOT có thể yên tâm rót vốn tham gia.

Danh mục các dự án hạ tầng giao thông:

- Dự án BOT Hữu Nghị Chi Lăng mà Công ty đã đầu tư 180 tỷ đồng nhưng dự án chưa triển khai từ năm 2018 do chưa được phê duyệt nguồn vốn ngân sách trung ương. Công ty cùng doanh nghiệp dự án đang làm việc để điều chỉnh, lập lại phương án đầu tư mới cho dự án trình lại Ủy ban tỉnh để xin cơ chế triển khai.

- Dự án BOT 38: đã đưa vào khai thác tuy nhiên doanh thu không đạt như kỳ vọng do có tuyến tránh xảy ra tình trạng thất thoát do các xe né trạm, doanh thu thu phí bình quân là 150 triệu/ngày so với mức hoạch định FS là 300 triệu đồng/ngày chưa đủ để cân đối được nợ gốc, lãi vay ngân hàng.

- Dự án BOT Bắc Giang Lạng Sơn: dự án đưa vào khai thác thu phí từ tháng 6/2018, trong năm 2020 thì tổng doanh thu thu phí từ dự án là 135 tỷ đồng, bình quân 370 triệu đồng/ngày thấp hơn so với FS hoạch định ban đầu là 600 triệu đồng/ngày nguyên nhân do việc bị cắt giảm không thu phí cho xe thuộc bán kính 5km và toàn tuyến kết nối cửa khẩu vẫn chưa thông suốt nên nhiều xe vẫn đi tuyến Quốc lộ cũ để tiết giảm chi phí. Doanh nghiệp dự án đang làm việc với cơ quan quản lý địa phương để hỗ trợ trong việc quản lý nhằm giảm thiểu các thất thoát từ việc các loại xe tận dụng đăng ký trên địa bàn lân cận trong phạm vi được miễn giảm đồng thời sau khi tuyến Hữu Nghị Chi Lăng được kết nối thông suốt sẽ tăng được lượt xe tham gia trong tuyến.

Thực trạng có thể thấy tỷ trọng đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng giao thông rất lớn trong đó cũng đã có dự án đưa vào khai thác tuy nhiên do lộ trình thời gian hoàn vốn tương đối dài nên trong giai đoạn đầu đưa vào khai thác thì chưa thể có nguồn tiền và lợi nhuận cho khoản vốn chủ đầu tư.

### c. Lĩnh vực tiện ích:

Trên tinh thần chủ trương của Hội đồng quản trị về việc đánh giá về mức độ hiệu quả không cao của các dự án trong lĩnh vực tiện ích nên trong trường hợp có đối tác thì sẽ thực hiện chuyển nhượng các dự án trong lĩnh vực này để cơ cấu lại. Trong năm đã thực hiện cơ cấu được hai dự án Đankia và Sài Gòn Mê Kông trong đó:

- Dự án Đankia chuyển nhượng toàn bộ 950.000 cổ phần giá trị 16,15 tỷ đồng (khoản đầu tư gián tiếp thông qua công ty tiện ích LCU).

- Dự án Sài Gòn Mê Kông chuyển nhượng toàn bộ 3.050.000 cổ phần giá trị 21,96 tỷ đồng (khoản đầu tư gián tiếp thông qua công ty tiện ích LCU).

Các dự án đầu tư còn lại:

- Dự án Đông Nam Quảng Trị sau khi xem xét đánh giá về khả năng tiêu thụ của thị trường đầu ra chưa được đảm bảo nên hiện nay vẫn đang tạm thời chưa thực hiện triển khai nhằm tránh các rủi ro liên quan đến việc bỏ nguồn vốn lớn nhưng không hiệu quả.

- Dự án BOO Phú Ninh: không chỉ vai trò đầu tư mà LICOGI 16 còn là tổng thầu EPC của dự án và hiện nay vẫn còn tồn đọng nguồn tiền công nợ phải thu rất lớn từ hợp đồng xây lắp của dự án. Do đó trong năm LICOGI 16 đã chấp nhận tăng vốn cổ phần của BOO PNW (thêm 12,6 tỷ đồng để nâng tỷ lệ sở hữu lên 12%) nhằm mục tiêu để cùng các cổ đông khác góp vốn cho doanh nghiệp dự án BOO PNW có đủ nguồn thanh toán cho hợp đồng EPC của LICOGI 16. Về tình hình kinh doanh của dự án hiện tại công suất tiêu thụ mới đạt 2,5 nghìn m<sup>3</sup>/ngày đêm trên tổng công suất 25.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, nguồn thu vẫn chưa đảm bảo bù đắp đủ nợ gốc và lãi vay ngân hàng.

### d. Lĩnh vực Bất động sản

Đối với lĩnh vực bất động sản hiện tại trong danh mục đầu tư tài chính thì Công ty đang đầu tư vào hai công ty con là công ty 12 giá trị 86 tỷ đồng thực hiện quản lý phát triển dự án Hiệp Thành và LCL giá trị đã đầu tư 3 tỷ đồng chuyên quản trong lĩnh vực bất động sản chung.

Tuy nhiên nếu tính về danh mục tài sản bất động sản đầu tư thì hiện trạng đến hết năm 2020 cụ thể:

Stt	Dự án	Tài sản hình thành còn lại	Tình trạng pháp lý và tiến độ dự án	Kinh doanh	Công việc thực hiện trong năm 2021
1	Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha	Giáo dục: 0,3ha	- Đã chuyển nhượng 6 lô (gồm chung cư N3, 5A1, 5C1 và thương mại C1, C3, 1) cho đối tác  - Đang thực hiện hồ sơ chuyển	- Trong năm 2020, doanh thu đất nền ghi nhận 96 tỷ đồng.  - Giá trị chuyển	- Hoàn thiện hồ sơ chuyển nhượng 6 lô chung cư và TTTM cho đối tác.  - Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng để hoàn

Stt	Dự án	Tài sản hình thành còn lại	Tình trạng pháp lý và tiến độ dự án	Kinh doanh	Công việc thực hiện trong năm 2021
2	Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha	Đất nền: 0,066 ha Chung cư: 1,2ha TDTD: 1,36 ha Giáo dục: 4,35 ha	nhượng theo quy trình.  - Đang làm việc với Sở Xây dựng, hoàn thiện các hồ sơ liên quan để triển khai nghiệm thu hạ tầng.	nhượng 6 lô chung cư và TTTM dự kiến ghi nhận năm 2021.	thành nghiệm thu hạ tầng toàn khu Long Tân 77ha.  - Triển khai hồ sơ pháp lý khu chung cư còn lại N1, dự kiến xây dựng trong năm 2022.  - Thu hút dân cư về sinh sống, triển khai xây dựng nhà và các khu đất công cộng.
3	Khu dân cư đường Lý Thường Kiệt – Tp. Bảo Lộc	Khu thương mại 3,4ha	- Tổng diện tích 167.778 m <sup>2</sup> trong đó: diện tích khu ở là 13,3ha và 3,4ha thương mại.  - Đã được cấp sổ hồng phần diện tích đất ở 5,3ha thuộc khu 13,3ha, phần đất giáo dục và tái định cư giao lại UBND thành phố Bảo Lộc. Đã và đang hoàn tất sang tên trên GCNQSDĐ cho khách hàng đối với các nền đất đủ điều kiện chuyển nhượng.  - Đã làm thủ tục bàn giao hạ tầng khu 13,3ha cho địa phương, tuy nhiên chưa hoàn thành cơ sở hạ tầng (phần hạ tầng chưa thực hiện khoảng 11,4 tỷ) nên địa phương chưa nhận.  - Khách hàng đã và đang triển khai xây dựng nhà: Đã hoàn thành 5 căn, đang làm hồ sơ hoàn công; đang triển khai xây dựng 4 căn.  - Khu thương mại 3,4ha: Đã bồi thường 1,9ha, còn 1,5ha đang tiếp tục bồi thường.	- Khu 13,3ha đã hoàn thành kinh doanh và ghi nhận doanh thu trong năm 2017 – 2018.  - Khu 3,4ha dự kiến hoàn thành bồi thường GPMB, đầu tư xây dựng trong năm 2021, kinh doanh năm 2022.	- Hoàn thành thủ tục sang tên, bàn giao sổ đỏ từng nền cho khách hàng đối với các nền đất đủ điều kiện chuyển nhượng.  - Thi công hoàn thiện hạ tầng 13,3ha để bàn giao hạ tầng cho địa phương quản lý.  - Tiếp tục bồi thường 1,5ha còn lại. Ký hợp đồng với đơn vị tư vấn (dự kiến LICOGI 16.8) để thiết kế kỹ thuật và trình phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật.  - Tiếp tục triển khai xây dựng nhà khu 13,3ha.
4	Trường Cao đẳng nghề Công nghệ LICOGI	7,5ha đất cơ sở giáo dục đào tạo	Đang làm hồ sơ xin chuyển đổi sang nhà ở	Dự kiến kinh doanh trong 2022	- Hoàn thiện thủ tục chuyển đổi sang nhà ở trong năm 2021.  - Hoàn thành thiết kế

Stt	Dự án	Tài sản hình thành còn lại	Tình trạng pháp lý và tiến độ dự án	Kinh doanh	Công việc thực hiện trong năm 2021
					phê duyệt 1/500. - Triển khai thi công cuối năm 2022.
5	DA Lấn biển (Hậu Lộc - Thanh Hóa)	Quy mô khoảng 480ha	UBND tỉnh đã thống nhất chủ trương điều chỉnh KĐT Diêm Phố phục vụ quy hoạch DA Lấn biển		Đang trình HDQT phê duyệt kinh phí để triển khai thực hiện các bước tiếp theo
6	DA Nam Minh Phương (Liên danh LCG 14 và LCG 16)	Diện tích dự án 54,4ha. Tỷ lệ góp vốn LCG 14: 71%; LCG 16: 29%	- Dự án đã được UBND tỉnh Phú Thọ giao chủ đầu tư. - Đang triển khai công tác bồi thường GPMB.		Tiếp tục triển khai công tác bồi thường GPMB
<p>- Năm 2020 đã nghiên cứu, khảo sát nhiều DA tiềm năng tại Thanh Hóa, TP. HCM, Ninh Thuận đã lựa chọn được 03 dự án tại Ninh Thuận tổng diện tích khoảng 300ha, Công ty đang liên hệ Sở ban ngành triển khai các bước tiếp theo.</p> <p>- Năm 2021 tiếp tục nghiên cứu, khảo sát thêm các dự án tiềm năng tại Bà Rịa – Vũng Tàu 400ha và các địa phương khác. Triển khai các bước tiếp theo thực hiện 03 dự án đã tìm kiếm tại Ninh Thuận.</p>					

## **5. Đánh giá nguồn lực doanh nghiệp**

### **a. Nguồn nhân lực**

Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và tinh gọn bộ máy của một số đơn vị phù hợp với định hướng phát triển giúp nâng cao năng suất lao động (doanh thu tăng khoảng 141%, lao động giảm 17,91%). Tổng tiền lương năm 2020 của công ty mẹ là (50,5 tỷ đồng) so với năm 2019 (75,9 tỷ đồng) giảm 33,39% một phần do điều chỉnh lương Covid, tinh gọn bộ máy và điều chuyển lao động sang công ty con.

Tổ chức các khóa đào tạo: Huấn luyện An toàn lao động; Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định; Kỹ năng đàm phán thương lượng; Nhận thức và đánh giá ISO45001, 9001; Tập huấn nghiệp vụ lao động tiền lương, quan hệ lao động và bảo hiểm xã hội.

### **b. Nguồn lực Tài sản cố định máy móc thiết bị**

Với nguồn lực máy móc thiết bị đến năm 2018 đã được đầu tư mới đồng bộ, hiện đại phục vụ công tác thi công các công trình hạ tầng, do đó hiện tại nhiệm vụ cốt yếu của công ty chỉ tập trung trong công tác tìm kiếm dự án trong lĩnh vực hạ tầng giao thông để tất cả các thiết bị được khai thác tối đa công suất, với chi phí sử dụng ở mức tối thiểu.

Tài sản	Năm 2016	Năm 2020	Tăng trưởng
Nguyên giá	421	527	
Khấu hao	-327	-243	
Giá trị còn lại	94	284	202%

**Giá trị từng nhóm tài sản cố định năm 2020**

Tài sản	Máy móc thiết bị	Máy móc thiết bị (thuế mua tài chính)	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá	330	52	133	2	10	527
Khấu hao	-143	-24	-64	-2	-10	-242
Giá trị còn lại	187	28	69	0	0	285

Danh mục tài sản vẫn tập trung chủ yếu tại nhóm máy móc thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ cho hoạt động xây lắp hạ tầng giao thông chính là hoạt động cốt lõi của Công ty. Đánh giá hoạt động đầu tư tài sản về tính chất hoạt động là hoàn toàn phù hợp. Tuy nhiên, hầu hết thiết bị đầu tư đều là thiết bị sản phẩm có thương hiệu chất lượng cao nên giải pháp ưu tiên là khai thác tối đa hiệu suất khai thác của máy móc.

**Danh mục một số máy móc thiết bị chính của Công ty:**

Stt	Tên thiết bị	Số lượng	Giá trị khấu hao còn lại
1	Trạm BTNN	3	49
2	Xe lu	31	47
3	Trạm Nghiền đá	1	38
4	Máy rải	5	42
5	Máy đào	8	15
6	Máy ủi	7	14
7	Máy xúc	6	9
8	Máy san	3	8
9	Xe tải	15	13
	<b>Tổng cộng</b>	<b>79</b>	<b>235</b>

**c. Hệ thống quản trị và văn hóa doanh nghiệp**

Không chỉ tập trung trong việc phát triển chiến lược, hoàn thành mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty thì nhiệm vụ trọng yếu được Ban Tổng giám đốc quan tâm là hoàn chỉnh hệ thống quản trị doanh nghiệp và tạo ra nền tảng văn hóa doanh nghiệp theo tiêu chí “đám cam kết và tôn trọng cam kết”.

Để thực hiện được việc này thì sợi chỉ xuyên suốt là từ lãnh đạo cấp cao nhất luôn thể hiện được văn hóa rõ nét trong từng hành động, từng chỉ đạo tại mỗi nhiệm vụ triển khai tới các phòng ban.

- Thực hiện việc phân quyền phân cấp đến từng Phó Tổng nhằm tăng cường công tác quản lý và hiệu quả hoạt động đối với từng đơn vị.

- Cơ cấu bộ máy chuyên môn hóa theo từng lĩnh vực nhằm phát huy tối đa năng lực và phát triển chuyên sâu.

Luôn thể hiện văn hóa trong nội bộ và bên ngoài trong đó đặt thương hiệu uy tín của LICOGI 16 lên trên hết, chia sẻ cởi mở trên tinh thần hợp tác bình đẳng vì mục tiêu chung.

### III. HOẠCH ĐỊNH KẾ HOẠCH NĂM 2021 VÀ DỰ PHÓNG ĐẾN NĂM 2025

#### 1. Kế hoạch ngắn hạn năm 2021

Căn cứ theo tình hình các dự án chuyển tiếp năm 2020, các dự án đang thực hiện nộp hồ sơ thầu và dự kiến đầu thầu cũng như kế hoạch khai thác các dự án đầu tư của Công ty thì kế hoạch doanh thu dự kiến năm 2021 cụ thể như sau:

STT	DOANH THU	KH. Q1	KH. Q2	KH. Q3	KH. Q4	KH 2021
A	<b>XÂY LẬP</b>	333	603	959	1,066	2,961
1	<b>Dân dụng, công nghiệp</b>	87	59	64	68	278
	<i>CD GTVT</i>		17			17
	<i>Kho bạc Bắc Ninh</i>			12	12	24
	<i>Trường Quang Trung</i>		12	12	12	36
	<i>Khác (Licons, Truyền tải điện, xây nhà Hiệp Thành)</i>	87	30	40	44	201
2	<b>Giao thông</b>	112	224	330	238	904
	<i>Bắc Giang Lạng Sơn</i>				24	24
	<i>Vân đồn tiên yên</i>		70	192	78	340
	<i>Cắm đĩnh hiệp thuận</i>	20	37	57	57	171
	<i>Hòn rom</i>		4	4	4	13
	<i>TC Bè tông nhựa</i>	2	6	8	15	31
	<i>Khác</i>	90	107	68	60	325
3	<b>Tiện ích</b>		30	30	69	129
4	<b>Floating solar</b>		-	205	226	431
5	<b>Solar farm</b>	1	104	260	275	640
6	<b>Wind farm</b>	133	186	70	190	579
	<i>Cho Long + Yang Trung</i>	100	56			156
	<i>Khác</i>	33	130	70	190	423
B	<b>BÁT ĐỘNG SẢN</b>	146	189	80	110	525
C	<b>KINH DOANH BÁN ĐIỆN</b>	24	30	33	27	114
1	<b>LCE</b>	24	30	33	27	114
	<b>DOANH THU HỢP NHẤT</b>	503	822	1,072	1,203	3,600
	<b>LỢI NHUẬN 2021</b>	60	67	74	99	300

#### Cơ sở dự phóng doanh thu kế hoạch năm 2021:

- Doanh thu chuyển tiếp từ năm 2020 sang 27 tỷ đồng.
- Doanh thu mảng dân dụng 129 tỷ (KDL Sinh thái Cắm Đĩnh, Hòn Rom, thi công nhà Hiệp Thành.)
- Doanh thu mảng hạ tầng giao thông 1.000 tỷ gồm Vân Đồn Tiên Yên, các dự án đang đấu thầu.
- Doanh thu mảng năng lượng 1.796 tỷ dự kiến của các dự án về điện mặt trời nổi, điện mặt trời solar và điện gió (trong đó đã ký hợp đồng thi công một phần các dự án điện gió do Công ty IPC là tổng thầu và các dự án dự kiến đang thực hiện chào thầu, đấu thầu).
- Doanh thu dự kiến của công trình xây lắp điện của EVN là 150 tỷ.

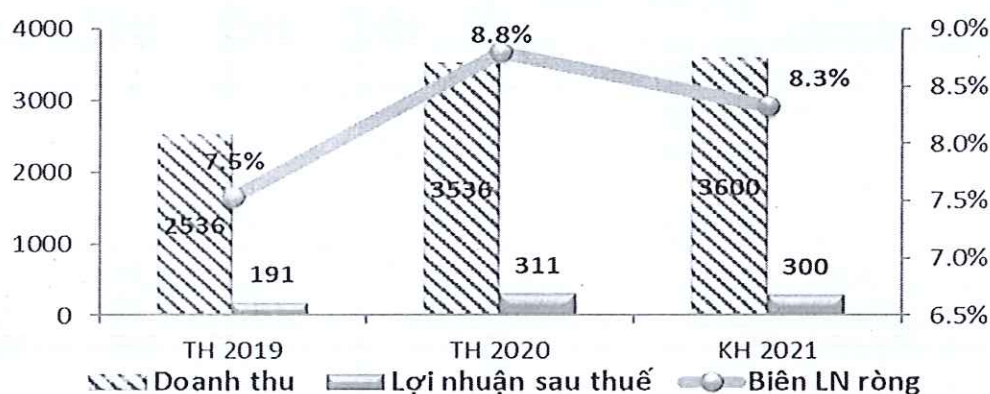
- Doanh thu bất động sản: ghi nhận doanh thu 525 tỷ từ chuyển nhượng dự án Long Tân và doanh thu kinh doanh dự án Nam Phương Bảo Lộc.

- Doanh thu 150 tỷ từ bán điện dự án Solar Chư Ngọc và Solar Nhơn Hải.

Kết quả kinh doanh kế hoạch năm 2021 căn cứ trên hoạch định kế hoạch doanh thu xây lắp, bất động sản và đầu tư:

Chỉ tiêu	TH 2019	TH 2020	KH 2021
Doanh thu	2536	3536	3600
Tăng trưởng doanh thu		39%	2%
Lợi nhuận sau thuế	191	311	300
Tăng trưởng lợi nhuận		63%	-4%
Biên LN ròng	7.5%	8.8%	8.3%
Cổ tức	12%	15%	15%
Vốn điều lệ	1,049	1,172	1,764*

\* Vốn điều lệ năm 2021 sau khi hoàn thành việc chia cổ tức và tăng vốn



Lợi nhuận của năm 2020 sẽ dĩ cao hơn nhiều so với năm 2019 và kế hoạch 2021 do có lợi nhuận đột biến từ hoạt động đầu tư (chuyển nhượng dự án Điện Phước), do đó nếu chỉ xét trên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh sản xuất chính của Công ty thì mức lợi nhuận 300 tỷ (giảm 4% so với năm 2020) hoạch định là phù hợp. Trong trường hợp phát sinh khoản chuyển nhượng đầu tư khác thì có thể ghi nhận lợi nhuận đột biến tăng thêm.

## 2. Nhiệm vụ mục tiêu chính năm 2021 theo từng lĩnh vực

### a. Hoạt động xây lắp

- Hoàn thành các hạng mục dở dang còn lại, quyết toán để thu hồi giá trị giữ lại và các công nợ còn tồn đọng các công trình cũ gồm: KN Vạn Ninh, Solar Mỹ Sơn, Solar Đàm Trà Ô, Cao tốc Bắc Giang Lạng Sơn, NMN Tây Mỗ, NMN Phú Ninh, Hạ Long Vân Đồn. Mục tiêu sẽ khép gọn các dự án này trong năm 2021.

- Tổng hợp phân tích hiệu quả các dự án quyết toán để rà soát đánh giá các điểm phát sinh vượt dự toán làm ảnh hưởng đến biên lợi nhuận đồng thời làm kinh nghiệm trong công tác đấu thầu, quản lý dự án mới tương tự.

- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm dự án thông qua nhiều kênh và nhiều phương thức như đấu thầu cạnh tranh; giao thầu chỉ định dựa trên năng lực, uy tín của doanh nghiệp; hợp tác đầu tư kèm điều kiện giao là tổng thầu dự án.

- Tăng cường công tác quản lý kiểm soát hiệu quả chi phí dự án ngay từ khi tham gia đấu thầu đến khi kết thúc dự án nhằm mục tiêu tối ưu biên lợi nhuận gộp nhằm giảm áp lực về doanh thu, tập trung được nhiều nguồn lực hơn cho các công trình có tỷ lệ sinh lời cao.

#### **b. Hạ tầng giao thông**

- Dự án BOT 38: phối hợp với công ty Khai Thác Cảng để hoàn thành công tác quyết toán toàn bộ dự án với Bộ Giao Thông, tìm kiếm và triển khai các phương án cần thiết để nhằm tăng doanh số thu phí thông qua việc kiểm soát phương tiện né trạm và làm việc với cơ quan chức năng ban ngành để hỗ trợ doanh nghiệp với tình hình doanh số không đảm bảo như FS hoạch định.

- Dự án BOT Bắc Giang Lạng Sơn: phối hợp với doanh nghiệp dự án để thực hiện hoàn thành việc quyết toán dự án với cơ quan chức năng, duy trì công tác kiểm tra kiểm soát dự án định kỳ đối với dự án

- Dự án Hữu Nghị Chi Lăng: phối hợp cùng các NĐT khác để hoàn thành các thủ tục pháp lý đặc biệt là thủ tục về cơ chế vốn của ngân sách trung ương cho dự án để có thể triển khai thi công được dự án từ Quý 3/2021. Trong trường hợp dự án vẫn gặp các vướng mắc thì có thể phải xem xét các phương án về việc thu hồi vốn đã đầu tư hoặc điều chỉnh giảm tạm thời giá trị vốn chủ các nhà đầu tư đã góp vào dự án.

- Tìm kiếm các dự án đầu tư BOT mới có giá trị đầu tư phù hợp với lợi nhuận và dòng tiền mà Công ty có thể tham gia với vai trò thi công xây lắp cho chính dự án để đánh giá và lựa chọn trình đầu tư bổ sung.

#### **c. Bất động sản**

Nhiệm vụ kế hoạch công việc theo từng dự án bất động sản cụ thể như sau:

- **Dự án Điền Phước:** hoàn tất các thủ tục pháp lý theo yêu cầu của Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp để nhận thanh toán phần giá trị còn lại của hợp đồng.

- **Dự án Long Tân City:** hoàn tất các thủ tục liên quan hồ sơ chuyển nhượng 6 lô (gồm chung cư N3, 5A1, 5C1 và thương mại C1, C3, 1) để thu phần giá trị hợp đồng còn lại và triển khai các thủ tục pháp lý, hồ sơ thiết kế để chuẩn bị xây dựng Chung cư N1

- **Dự án Chuyển đổi khu đất trường nghề sang nhà ở xã hội:** hoàn thành việc chuyển đổi khu đất sang làm nhà ở xã hội mục tiêu có thể triển khai thi công cuối năm 2021.

- **Dự án Nam Phương 3,4 ha:** triển khai các thủ tục pháp lý với cơ quan chức năng ban ngành và hoàn thành công tác bồi thường để đủ điều kiện thực hiện triển khai kinh doanh.

- **Hiệp Thành City:** hoàn thiện các hạng mục hạ tầng kỹ thuật còn lại và công viên cây xanh của dự án Hiệp Thành City để bàn giao cho cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định.

- **Dự án lấn biển Thanh Hóa:** thực hiện công tác điều chỉnh quy hoạch và xác định hướng tuyến cho dự án.

Tìm kiếm các quỹ đất mới tại các địa phương để lập quy hoạch xin chủ trương đầu tư tại các địa phương như Ninh Thuận, Bà Rịa Vũng Tàu, Vĩnh Phúc... để bổ sung thêm trong danh mục dự án bất động sản phát triển trong mục tiêu dài hạn.

#### **d. Lĩnh vực năng lượng tái tạo**

Nhiệm vụ trọng tâm nhóm lĩnh vực năng lượng tái tạo năm 2021 bao gồm nhóm nhiệm vụ phát triển dự án đầu tư năng lượng và nhóm nhiệm vụ thi công.

**\* Nhóm nhiệm vụ phát triển dự án đầu tư năng lượng:**

- Làm việc với cơ quan chức năng ban ngành tỉnh Ninh Thuận, Gia Lai để xin phê duyệt chủ trương cho phép khảo sát và nghiên cứu đầu tư dự án NMDMT nổi, dự án điện gió trên biển;

- Dự án Điện Gió Thăng Hưng: triển khai các nội dung theo chương trình dự kiến hợp tác với các nhà đầu tư nước ngoài đã thống nhất.

- Đưa các dự án Điện gió Quảng Trị, Gia Lai và ĐMT nổi vào nhóm đầu tư của quy hoạch điện VIII (huy động công suất trong năm 2022).

**\* Nhóm nhiệm vụ tìm kiếm công việc thi công:**

- Thực hiện triển khai tiếp cận chào thầu một số dự án Điện mặt trời nổi từ các đối tác tiềm năng như EVN, KN Group, Macquarie, Blueleaf, với tổng quy mô công suất trên 3.000Mwp.

**e. Lĩnh vực tiện ích**

Hiện nay đối với lĩnh vực tiện ích theo tinh thần của Hội đồng quản trị sẽ thực hiện tái cấu trúc lại trong đó thực hiện thoái vốn chuyển nhượng cổ phần tại các đơn vị chưa có hiệu quả và tìm kiếm các dự án mới hiệu quả cao. Đồng thời việc phát triển dự án mới trong năm nay sẽ dựa trên nguồn lực từ chính trong chính lĩnh vực tiện ích không bổ sung thêm nguồn từ hệ thống.

**3. Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực và quản trị doanh nghiệp**

**a. Nguồn nhân lực**

Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên chuyên nghiệp, trẻ hóa đội ngũ, hướng tới công tác đào tạo thông qua trải nghiệm thực tế trong quá trình làm việc. Tiếp tục sử dụng các nhân sự với nhiều năm kinh nghiệm để tiến tới hình thành một bộ máy hài hòa có sự tương trợ lẫn nhau. Mời các chuyên gia đầu ngành trong từng lĩnh vực thực hiện tư vấn cho Ban lãnh đạo, các bộ phận chuyên môn.

- Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của một số đơn vị trực thuộc để phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

- Xây dựng kế hoạch đánh giá lại, đánh giá thường xuyên để sắp xếp, bổ sung nhân sự cho phù hợp với mô hình tổ chức.

- Bổ sung kịp thời các nhân sự theo kế hoạch, cụ thể: nhân sự pháp lý, kiểm soát nội bộ, marketing, thư ký, năng lượng tái tạo, tài chính, kỹ thuật.

- Xem xét, điều chỉnh và xây dựng hệ thống tiền lương trong toàn hệ thống phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

**b. Quản trị và văn hóa doanh nghiệp**

- Hoàn thiện hệ thống quy trình quản trị để tăng tính tự chủ tại các đơn vị thành viên nhưng mục tiêu vẫn kiểm soát tài chính và lợi nhuận kế hoạch theo đúng định hướng mô hình Holdings.

- Xây dựng và bồi đắp văn hóa doanh nghiệp: do Công ty là đơn vị hoạt động đa ngành (xây dựng, bất động sản, hạ tầng giao thông, tiện ích...) nên là môi trường với nhiều các thành viên ở trình độ năng lực, văn hóa vùng miền khác nhau. Để tạo nên một thể thống nhất vì mục tiêu chung thì cần xây dựng chuẩn mực văn hóa nguyên tắc ứng xử chung khi tất cả gia nhập vào trong Công ty nhằm đảm bảo tất cả cùng đi đúng theo một mục tiêu chung của Công ty.

- Khắc phục những tồn tại bất cập làm ảnh hưởng không tốt đến văn hóa doanh nghiệp, có những chương trình hoạt động nhằm truyền cảm hứng và tạo động lực thúc đẩy sự sáng tạo của nhân viên.

- Đánh giá toàn diện, đầy đủ từng bộ phận và các công việc đã thực hiện thông qua hệ thống thông tin đa chiều nhằm nhận diện những yếu tố rủi ro để có những biện pháp khắc phục kịp thời.

- Lựa chọn và tập trung đào tạo nguồn lực phù hợp với mục tiêu văn hóa của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện các quy trình chưa phù hợp và duy trì, yêu cầu tính tuân thủ trong việc áp dụng quy trình trong quá trình triển khai công việc

- Năm 2021 cũng là năm kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty nên nhiệm vụ quan trọng của hành chính là tổ chức thành công sự kiện trên và phối hợp với truyền thông để quảng bá hình ảnh thương hiệu của công ty giai đoạn mới.

#### **4. Dự phóng kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư giai đoạn 2021-2025**

Với giai đoạn 2016 – 2020 đã cơ bản định hình rõ cấu trúc và cơ cấu đầu tư của Công ty mà trong đó mỗi lĩnh vực cụ thể đều đã có mục tiêu nhiệm vụ cụ thể rõ ràng để có thể triển khai nhiệm vụ ngắn hạn năm 2021 và là cơ sở để dự phóng cho giai đoạn 2021 – 2025.

*Nguyên tắc cốt lõi trong định hướng phát triển chính giai đoạn 2021 – 2025 sẽ tập trung hướng tới việc phát triển bền vững, mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận mà không quá phụ thuộc vào việc tăng trưởng doanh thu, nâng cao hiệu quả trong từng dự án tham gia đầu tư xây dựng.*

Cụ thể mục tiêu trong từng lĩnh vực:

\* Bất động sản: tăng cường tích lũy việc xin chấp thuận chủ trương phê duyệt dự án làm cơ sở để tích lũy dần quỹ đất và hoàn thiện thủ tục pháp lý để có đủ cơ sở phát triển dự án bất động sản.

\* Năng lượng: tái cấu trúc tài chính các dự án solar hiện có, phát triển đầu tư được khoảng 1000Mwp điện năng lượng tái tạo gồm điện gió, điện mặt trời.

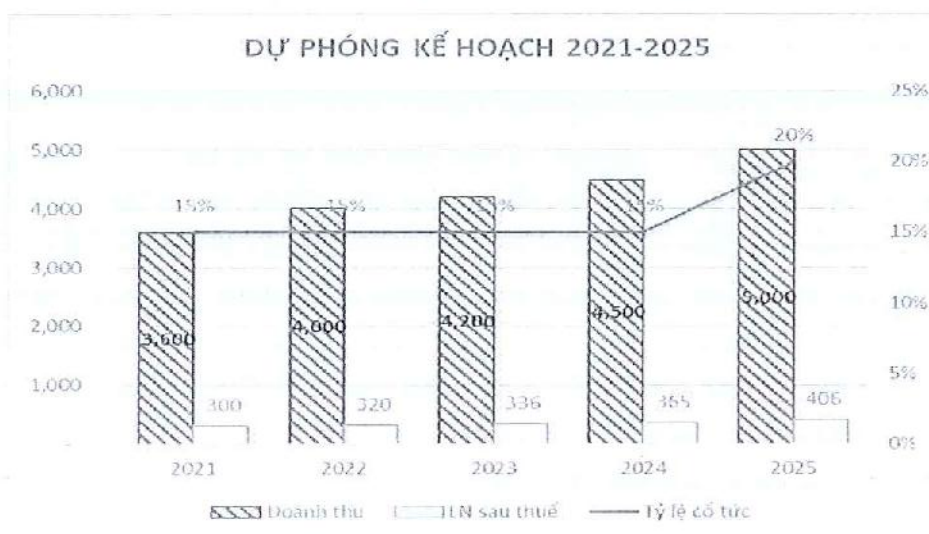
\* Hạ tầng giao thông: hoàn chỉnh các khoản đầu tư hiện hữu và sẽ có nguồn hoàn vốn chủ từ dự án.

\* Tiện ích: tái cấu trúc và xem xét tình hình thực tế để quyết định về việc duy trì phát triển lĩnh vực này

\* Xây lắp: hoàn thiện mô hình năng lực theo định hướng tổng thầu EPC có đủ khả năng và tham gia được vào các dự án trọng điểm quốc gia trên cơ sở cạnh tranh trong lĩnh vực xây lắp hạ tầng giao thông, năng lượng, nước và là đơn vị top đầu trong thi công lĩnh vực điện, năng lượng tái tạo.

Bảng dự phóng kết quả kinh doanh chi tiết:

Stt	Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
1	Doanh thu	3,600	4,000	4,200	4,500	5,000
2	LN sau thuế	300	320	336	365	406
3	Tỷ lệ cổ tức	15%	15%	15%	15%	20%
4	Chỉ tiêu tài chính					
	Biên lợi nhuận ròng	8.3%	8.0%	8.0%	8.1%	8.1%
	Tốc độ tăng trưởng DT	1%	11%	5%	7%	11%
	Tốc độ tăng trưởng LN	-4%	7%	5%	9%	11%



Doanh thu dự kiến tăng trưởng khoảng 7% trong đó cơ cấu bình quân theo tỷ lệ bình quân mảng HTGT 31%, BĐS 14%, Tiện ích 2% và NLTT 53%. Đối với mảng năng lượng tái tạo gồm doanh thu thi công xây lắp và doanh thu bán điện, trong đó doanh thu bán điện trong năm 2021 – 2022 của Nhơn Hải và Chư Ngọc Giai đoạn 1 (200 tỷ), từ năm 2023 sẽ bổ sung thêm 60 tỷ. Lợi nhuận từ năm 2023 sẽ phát sinh thêm lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính (lợi nhuận bán điện của các công ty thành viên điện mặt trời nổi (góp 30%) và điện gió (góp 20%)).

Theo hoạch định dự phóng giai đoạn 2021 – 2025 thì doanh thu tăng trưởng dự kiến đến 2025 là 5.000 tỷ đồng chủ yếu từ lĩnh vực xây lắp hạ tầng giao thông và năng lượng tái tạo. Ngoài ra lợi nhuận đầu tư cũng đóng góp đáng kể trong lợi nhuận sau thuế chung của Công ty. Các chỉ tiêu tài chính được đảm bảo: biên lợi nhuận ròng mức bình quân 7.5%/năm, giữ mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hàng năm.

Trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và nhu cầu đầu tư phát triển các dự án trong giai đoạn 2021 – 2025 thì kế hoạch đầu tư và chi trả cổ tức được tính toán dự kiến cụ thể như sau:

**Dự phóng kế hoạch đầu tư:**

Stt	Đầu tư tài chính	2021	2022	2023	2024	2025
1	Hạ tầng giao thông	-	50	50	-	-
	Hữu Nghị Chi Lăng		50	50		
2	Năng lượng tái tạo	197	348	586	-	-
	Chư Ngọc GD2	197				

	Điện gió (3 dự án)		76	178		
	Điện MT nổi (2 dự án)		272	408		
<b>3</b>	<b>Tiền ích</b>					
<b>4</b>	<b>Bất động sản</b>	<b>100</b>	<b>50</b>	<b>50</b>	<b>50</b>	<b>50</b>
<b>5</b>	<b>Tổng cộng, nguồn:</b>	<b>297</b>	<b>448</b>	<b>686</b>	<b>50</b>	<b>50</b>
A	Huy động vốn	297		300		
B	LN sau thuế		150	200		
C	Huy động khác		298	186	50	50

Kế hoạch đến năm 2023 sẽ hoàn thành kế hoạch đầu tư vào các dự án, chuyển sang năm 2024 sẽ tập trung khai thác các khoản đầu tư thu lợi nhuận. Do đó trong giai đoạn 2021 đến 2023 cần nhiều vốn đầu tư sẽ giữ lại nguồn tiền lợi nhuận sau thuế để tái đầu tư, việc chi trả cổ tức đề xuất có thể thực hiện bằng việc chi trả cổ phiếu, đến năm 2024 và 2025 khi nguồn thu từ hoạt động đầu tư đã ổn định sẽ chuyển sang chi trả cổ tức bằng tiền mặt và mức chi trả sẽ duy trì ổn định không thấp hơn 15%.

#### 4. KẾT LUẬN:

Năm 2020 vừa qua là một năm có rất nhiều biến động phức tạp bởi ảnh hưởng rất lớn từ dịch bệnh Covid, nền kinh tế toàn cầu bị suy giảm nghiêm trọng, rất nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam rơi vào tình trạng thua lỗ thậm chí phá sản. Đối với LICOGI 16 cũng không nằm ngoài phạm vi bị ảnh hưởng chung, tuy nhiên với những chỉ đạo sát sao, định hướng nhạy bén từ Hội đồng quản trị để có thể thích ứng với những biến động đã giúp Công ty vẫn vượt được kế hoạch đã được ĐHĐCĐ đề ra. Ngoài ra với tinh thần khẩu hiệu đã đặt ra của năm là “Chinh Phục Thử Thách” thì toàn thể tập thể cán bộ công nhân viên LICOGI 16 đã nỗ lực, tập trung trí lực, thống nhất hành động, không ngừng phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực sẵn có để chinh phục được những thử thách khó khăn.

Trên đây là toàn bộ Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020, định hướng kế hoạch SXKD năm 2021 và dự phóng mục tiêu 2021-2025, kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thảo luận và thông qua.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, Tôi xin trân trọng cảm ơn và kính chúc Quý vị đại biểu, Quý vị cổ đông của Công ty mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng kính chào.

TỔNG GIÁM ĐỐC *ll*



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Quốc Chuộc*

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2021

## TỜ TRÌNH

“Về việc: Báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh năm 2020 đã được kiểm toán”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần LICOGI 16 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty bao gồm:

1. Báo cáo Kiểm toán độc lập của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020;
3. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020;
4. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2020;
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2020.

Trong đó một số chỉ tiêu cơ bản trong BCTC năm 2020 của Công ty Cổ phần LICOGI 16 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Năm 2020	Năm 2019
<b>Báo cáo tài chính riêng</b>		
Doanh thu thuần	3.362.623.218.585	2.408.680.790.134
Lợi nhuận sau thuế	292.093.859.303	354.845.194.250
Tổng tài sản	5.369.833.302.202	4.739.978.054.734
Vốn chủ sở hữu	1.827.943.202.387	1.547.292.820.018
Vốn cổ phần	1.172.485.100.000	1.048.992.930.000
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất</b>		
Doanh thu thuần	3.536.254.793.538	2.536.267.886.150
Lợi nhuận sau thuế	311.176.707.871	191.125.782.226
Tổng tài sản	6.132.492.672.781	4.718.725.550.578
Vốn chủ sở hữu	1.846.383.206.894	1.587.353.313.866
Vốn cổ phần	1.172.485.100.000	1.048.992.930.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Bùi Dương Hùng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2021

## TỜ TRÌNH

**“Về việc: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021”**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Để đảm bảo quyền lợi là lợi ích cho cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 16 kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 01 (một) trong 06 (sáu) đơn vị kiểm toán có năng lực, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán năm 2021 cho công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán như sau:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
2. Công ty TNHH KPMG
3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
4. Công ty TNHH PWC Việt Nam
5. Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
6. Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn A&C

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
LICOGI 16

M.S.D.N: 030231620  
Q. BÌNH THẠNH. T. P. HỒ CHÍ MINH

BUI DƯƠNG HÙNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2021

## TỜ TRÌNH

**“Về việc: Phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, ngân sách hoạt động, thù lao HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký năm 2020”**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Trên cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ phương án phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2020 như sau:

### 1. Phân phối lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Giá trị
I	<b>Lợi nhuận sau thuế (Báo cáo Kiểm toán hợp nhất)</b>		<b>416.310.938.248</b>
1	Các năm trước để lại		105.134.230.377
2	Năm 2020		311.176.707.871
II	<b>Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020</b>		<b>207.101.695.866</b>
1	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	31.117.670.787
2	Chia cổ tức	15%	172.872.258.000
3	Thưởng HĐQT	1%	3.111.767.079
III	<b>Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi phân phối</b>		<b>202.209.242.382</b>

### 2. Chia cổ tức năm 2020

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đạt lợi nhuận sau thuế là 311.176.707.871 đồng, vượt kế hoạch ĐHĐCĐ 2020 đã đề ra. Tuy nhiên, theo kế hoạch năm 2021 thì Công ty tiếp tục phải tập trung nguồn tiền để phục vụ công tác đầu tư và bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó HĐQT đề xuất trình ĐHĐCĐ thông qua mức chi trả cổ tức 15%, trong đó 8% bằng cổ phiếu và 7% bằng tiền mặt.

Về thời gian chi trả, trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động thực hiện việc chốt danh sách và xác định thời gian chi trả cổ tức trong đó không chế thời điểm chốt danh sách theo quy định.

### 3. Báo cáo ngân sách hoạt động, lương và thù lao thực tế HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký năm 2020

Tại đại hội cổ đông thường niên năm 2020, đại hội đã thông qua ngân sách hoạt động, quỹ lương và thù lao đối với HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký là 0,2% doanh thu thuần của báo cáo tài chính hợp nhất.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2021

## TỜ TRÌNH

“Về việc: Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi cổ tức và kế hoạch ngân sách hoạt động, thù lao cho HĐQT, người quản trị công ty và ban thư ký năm 2021 ”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

### 1. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi cổ tức năm 2021

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi :10% lợi nhuận sau thuế báo cáo hợp nhất
- Trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị :1% lợi nhuận sau thuế  
(chỉ được chi khi lợi nhuận đạt kế hoạch đề ra)
- Chi cổ tức :15%/ vốn điều lệ

### 2. Kế hoạch ngân sách hoạt động, quỹ lương và thù lao HĐQT, người quản trị công ty và ban thư ký dự kiến chi trả năm 2021

Căn cứ thực tế quy mô của Công ty và kế hoạch kinh doanh năm 2021, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua ngân sách hoạt động, quỹ lương và thù lao cho HĐQT, người quản trị công ty, ban thư ký LICOGI 16 tương ứng là 0,2% doanh thu thuần của báo cáo tài chính hợp nhất. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT xác định mức thù lao, chi thưởng cụ thể cho từng thành viên.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



BÙI DƯƠNG HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

Số: 71 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2021

## TỜ TRÌNH

**“Về việc: Sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần LICOGI 16”**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty.

Trên cơ sở rà soát Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) nhận thấy cần phải cập nhật, sửa đổi Điều lệ Công ty cho phù hợp các quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 nhằm hoàn thiện các nội dung Điều lệ Công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ.

Nội dung chi tiết theo Phương án sửa đổi Điều lệ đính kèm.

Trình ĐIIDCD ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT tiến hành ký và ban hành Điều lệ Công ty Cổ phần LICOGI 16 phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**BUI DƯƠNG HÙNG**

## PHƯƠNG ÁN SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

(Đính kèm Tờ trình số 71 /TTr-HDQT ngày 12 / 3 /2021 về việc sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần LICOGI 16)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét việc sửa đổi Điều lệ Công ty để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, trong đó các nội dung chính như sau:

Stt	Nội dung sửa đổi	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Căn cứ sửa đổi
1	Vốn điều lệ	<b>Khoản 1 Điều 5</b> “1.Vốn điều lệ của Công ty là 1.049.017.000.000 đồng (một nghìn không trăm bốn mươi chín tỷ mười bảy triệu đồng).  Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 104.901.700 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.”	<b>Khoản 1 Điều 6</b> “1.Vốn điều lệ của Công ty là 1.172.485.100.000 đồng (bằng chữ: một nghìn một trăm bảy mươi hai tỷ bốn trăm tám mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng)  Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 117.248.510 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.”	Cập nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 ngày 29/10/2020
2	Quyền của cổ đông phổ thông	<b>Khoản 3 Điều 12</b> “3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5 % tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:  a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Điều 32 Điều lệ này;  b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp;  c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;	<b>Khoản 2 Điều 12</b> “2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:  a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;  b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;	Theo quy định tại Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020:  - Không yêu cầu cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên để có các quyền như quy định;  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được xem

		<p>d. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.”</p>	<p>c) Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>d) Đề cử người vào Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>xét, tra cứu họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị.</p>
3	Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	<b>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</b>	<b>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</b> “5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.”	Theo quy định tại Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020, bổ sung thêm nghĩa vụ bảo mật thông tin của cổ đông

4	Mời họp Đại hội đồng cổ đông	<p><b>Khoản 3 Điều 17</b></p> <p>“3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.”</p>	<p><b>Khoản 3 Điều 18</b></p> <p>“3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</li> <li>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>c) Phiếu biểu quyết;</li> <li>d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.”</li> </ul>	<p>Theo quy định tại Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020, thời hạn gửi Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được kéo dài lên 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>
---	------------------------------	--	---	---

5	Từ chối kiến nghị của cổ đông	<p><b>Khoản 5 Điều 17</b></p> <p>“Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</li> <li>Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;</li> <li>Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;</li> <li>Các trường hợp khác.”</li> </ol>	<p><b>Khoản 5 Điều 18</b></p> <p>“5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</li> <li>Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;</li> <li>Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.”</li> </ol>	<p>Theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020:</p> <p>- Quy định thời gian từ chối kiến nghị chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và việc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do</p> <p>- Loại bỏ điều kiện cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên vào thời điểm kiến nghị.</p>
6	Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	<p><b>Khoản 1 Điều 18</b></p> <p>“1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.”</p>	<p><b>Khoản 1 Điều 19</b></p> <p>“1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.”</p>	<p>Điều chỉnh quy định tại Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020:</p> <p>“Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết”</p>

7	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	<p><b>Điều 20</b></p> <p><b>“Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông. <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</li> <li>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;</li> <li>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</li> <li>d. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</li> <li>đ. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</li> <li>e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ Công ty quy định.</li> </ol> </li> <li>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định</li> </ol>	<p><b>Điều 21</b></p> <p><b>“Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</li> <li>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</li> <li>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</li> <li>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</li> <li>đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</li> </ol> </li> <li>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</li> <li>3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.”</li> </ol>	<p>Điều chỉnh quy định của Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020, trong đó, Các nội dung khác tại Khoản 2, tỷ lệ thông qua thay đổi từ ít nhất 51% thành trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành</p>
---	---	---	---	--

		tại khoản 1 Điều này.”		
8	Tỷ lệ thông qua nghị quyết trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	<b>Khoản 8 Điều 21</b> “8.Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.”	<b>Khoản 8 Điều 22</b> 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC:  Thay đổi tỷ lệ từ ít nhất 51% xuống tỷ lệ trên 50%.
9	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị		<b>Khoản 2 Điều 26</b> “2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.”	Bổ sung quy định theo Khoản 2 Điều 154 Luật Doanh nghiệp:  “...Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.”
10	Quy định Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm Tổng giám đốc	<b>Khoản 1 Điều 26</b> “1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty.	<b>Khoản 1 Khoản 2 Điều 29</b> “1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.”	Căn cứ theo quy định của Khoản 1 và Khoản 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020:  “Điều 156. Chủ tịch Hội đồng quản trị  1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do

				<p>Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty đại chúng và công ty cổ phần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.”</p>
11	Quy định về Ủy ban kiểm toán trong cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	<p><b>Điều 10</b></p> <p><b>Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát</b></p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>2. Hội đồng quản trị;</li> <li>3. Tiểu Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị;</li> <li>4. Tổng giám đốc.</li> </ol>	<p><b>Điều 11</b></p> <p><b>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</b></p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đại hội đồng cổ đông.</li> <li>2. Hội đồng quản trị.</li> <li>3. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.</li> <li>4. Tổng giám đốc.</li> </ol> <p>Quy định về Ủy ban kiểm toán tại Mục IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>Căn cứ theo quy định của 137 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC thay đổi mô hình từ Tiểu ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị thành Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.</p>

## TỜ TRÌNH

**“Về việc: Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ”**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định 155/2020/NĐ-CP”);
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 16 (“HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ với nội dung như sau:

### I. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần LICOGI 16
- Mã chứng khoán: LCG
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 117.248.510 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.000.338 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 115.248.172 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 9.219.853 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 92.198.530.000 đồng
- Đối tượng phát hành: tất cả các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt thực hiện quyền. Thời điểm chốt danh sách cụ thể được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) ủy quyền cho HĐQT quyết định.
- Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm/tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 8,00%
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:8 (Cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cứ 100 quyền thì được nhận 8 cổ phiếu mới).
- Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.



PP

- Điều khoản chuyển nhượng:
- + Quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức không được phép chuyển nhượng.
- + Cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh: Số cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức bằng cổ phiếu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được xử lý bằng cách hủy bỏ.
- + Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông, cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 101 cổ phiếu. Với tỷ lệ thực hiện là 100:8, Ông Nguyễn Văn A sẽ được nhận  $(101 \times 8)/100 = 8,08$  cổ phiếu mới. Như vậy, theo nguyên tắc trên, Ông Nguyễn Văn A sẽ được nhận 8 cổ phiếu mới, phần lẻ 0,08 cổ phiếu sẽ được hủy bỏ.
- + Phần vốn điều lệ gia tăng sẽ được ghi nhận tương ứng với tổng số lượng cổ phiếu thực nhận của từng cổ đông theo nguyên tắc làm tròn nêu trên nhân với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2021. Thời điểm cụ thể do Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định ngay sau khi được sự chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

## **II. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu**

### **1. Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu**

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần LICOGI 16
- Mã chứng khoán: LCG
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 117.248.510 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.000.338 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 115.248.172 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 50.000.000 cổ phiếu.
- Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá: 500.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ dự kiến của Công ty sau khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 1.764.683.630.000 đồng.
- Đối tượng phát hành: tất cả các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt thực hiện quyền. Thời điểm chốt danh sách cụ thể được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định.
- Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm/tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 43,38%
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 115.248.172:50.000.000 (Cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được hưởng 1 quyền, cứ 115.248.172 quyền thì được mua 50.000.000 cổ phiếu mới).
- Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến: 500.000.000.000 đồng

- Nguyên tắc xác định giá chào bán: Công ty sử dụng kết hợp các phương pháp Giá trị sổ sách (BV) và Giá thị trường (P) để làm cơ sở cho việc xác định giá chào bán cổ phiếu.

+ Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020: 15.475 đồng/ cổ phiếu

+ Giá thị trường cổ phiếu LCG bình quân 30 phiên gần nhất (từ ngày 21/01/2021 đến ngày 10/03/2021) là 15.333 đồng/cổ phiếu

- Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 1 lần duy nhất cho các đối tượng khác trong thời gian chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu theo quy định của Công ty.

- Điều kiện hạn chế chuyển nhượng:

+ Cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

+ Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu và số lượng cổ phiếu mua thêm từ quyền mua này không bị hạn chế chuyển nhượng.

- Phương án làm tròn: Để đảm bảo không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông hiện hữu được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 101 cổ phiếu. Với tỷ lệ phát hành là 115.248.172:50.000.000, Ông Nguyễn Văn A sẽ có quyền mua:  $(101 \times 50.000.000) / 115.248.172 = 43,81$  cổ phiếu mới. Như vậy, theo nguyên tắc trên, Ông Nguyễn Văn A sẽ có quyền mua 43 cổ phiếu mới.

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) và xử lý cổ phiếu không phân phối hết:

+ Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) và số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý Công ty, cổ đông Công ty và nhà đầu tư khác. Phương thức, đối tượng và giá bán cụ thể do HĐQT lựa chọn với giá phân phối không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu. Việc phân phối cổ phiếu theo quy định này cho nhà đầu tư trong các trường hợp sau phải được ĐHCĐ thông qua theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP:

- Chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu được quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán.

- Chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan từ 10% vốn điều lệ trở lên.

+ Trong trường hợp tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của đối tượng được Hội đồng quản trị tiếp tục phân phối cổ phiếu và người có liên quan của đối tượng đó từ 25% trở lên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty thì đối tượng đó không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.

+ Số cổ phiếu lẻ (nếu có) và số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khi được Công ty phân phối cho các đối tượng khác theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.



Handwritten signature or mark in blue ink.

+ Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có) mà vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

- Thời gian dự kiến phát hành: Dự kiến thực hiện trong năm 2021 sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và được sự chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

## 2. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành

- Phương án sử dụng vốn dự kiến như sau:

Nội dung sử dụng vốn	Số tiền dự kiến (đồng)
Thanh toán nợ vay của Công ty đối với các tổ chức tín dụng và công ty con	204.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng tái tạo LICOGI 16 Gia Lai (LCE Gia Lai) để triển khai thực hiện giai đoạn 2 Dự án Nhà máy điện mặt trời Chư Ngọc - công suất 25Mwp	146.000.000.000
Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu dân cư Long Tân	150.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>500.000.000.000</b>

- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT sửa đổi, bổ sung Phương án sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ thông qua và xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty tại thời điểm phát hành; cân đối, điều chỉnh và thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty sau khi kết thúc đợt phát hành, đảm bảo tuân thủ theo Khoản 2 Điều 9 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.

- Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu và phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán:

+ Tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích thực hiện dự án tối thiểu là 70% tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán để thực hiện các dự án. Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến (kể cả đã phân phối cho đối tượng khác theo phương án này) và khối lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ cân nhắc xem xét các phương án sau:

- Điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết theo hướng ưu tiên sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán để thanh toán nợ vay, phần còn lại sẽ sử dụng vốn tự có hoặc huy động khác.
- Tìm kiếm nhà đầu tư tham gia góp vốn vào Dự án Nhà máy điện mặt trời Chư Ngọc giai đoạn 2 để bổ sung nguồn vốn còn thiếu hoặc huy động từ nguồn sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Sử dụng vốn tự có bổ sung và/hoặc huy động từ nguồn sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án Long Tân cho phù hợp với nguồn vốn.

+ Trong trường hợp tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích thực hiện dự án của đợt phát hành không đạt tối thiểu 70% tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán để thực hiện các dự án (sau khi thực hiện phân phối cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không đăng ký mua hết), thì đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ bị hủy bỏ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật chứng khoán.

### **III. Đăng ký bổ sung và niêm yết cổ phiếu phát hành thêm**

Thông qua việc Công ty đăng ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký thay đổi niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế phát hành được sau khi kết thúc phát hành theo quy định của pháp luật.

### **IV. Tăng vốn điều lệ và sửa đổi Điều lệ Công ty về vốn điều lệ**

Thông qua việc đăng ký tăng vốn điều lệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và điều chỉnh vốn điều lệ trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty tương ứng với tổng giá trị cổ phiếu (theo mệnh giá) thực tế phát hành được sau khi kết thúc đợt phát hành.

### **V. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị**

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành cổ phiếu như sau:

- Quyết định thời điểm cụ thể để thực hiện việc phát hành cổ phiếu;
- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ đăng ký phát hành gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước. HĐQT được chủ động điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu (bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan chức năng khác).
- Sửa đổi, bổ sung phương án sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ thông qua và xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty tại thời điểm phát hành.
- Cân đối, điều chỉnh và thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty sau khi kết thúc đợt phát hành, đảm bảo tuân thủ theo Khoản 2 Điều 9 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành cổ phiếu.
- Quyết định phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có) và số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết bao gồm quyết định phương thức bán, đối tượng và giá phân phối.
- Quyết định phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án phát hành theo đúng quy định của Pháp luật.
- Sửa đổi, bổ sung vốn điều lệ trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty tương ứng với tổng giá trị cổ phiếu (theo mệnh giá) thực tế phát hành được sau khi kết thúc đợt phát hành.



- Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên Ủy ban chứng khoán nhà nước.
- Thực hiện thủ tục đăng ký bổ sung chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đối với số lượng cổ phiếu thực tế phát hành được.
- Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan khác khi triển khai phát hành cổ phiếu.
- Các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành.
- Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể theo ủy quyền nêu trên.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



BUI DUONG HUNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2021

## TỜ TRÌNH

### “Về việc: Thay đổi nhận diện thương hiệu Công ty”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Công ty Cổ phần LICOGI 16 tiền thân là Công ty Xây dựng số 16, là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng (LICOGI) được thành lập ngày 08/03/2001. Đến nay, trải qua 20 năm hình thành và phát triển, LICOGI 16 đã tạo dựng được hình ảnh một công ty xây dựng có uy tín cùng hệ thống máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến hàng đầu, có vị thế nhất định trong ngành xây dựng tại Việt Nam. Xét thấy, nhận diện thương hiệu của LICOGI 16 ở hiện tại đã không còn phù hợp với hình ảnh, vị thế cũng như định hướng phát triển của Công ty trong những năm kế tiếp. Năm 2021 là năm kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty, đây sẽ là thời điểm phù hợp để Công ty thực hiện định vị lại thương hiệu, xác định chiến lược, tầm nhìn và mục tiêu phát triển dài hạn của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua việc thay đổi nhận diện thương hiệu Công ty Cổ phần LICOGI 16, giao cho Hội đồng quản trị lựa chọn tên Công ty phù hợp với Giá trị cốt lõi mà Công ty hướng đến trong thời gian tới “Trách nhiệm – Nhân văn – Sáng tạo”, chú trọng và đề cao giá trị của từng con người, tôn trọng những giá trị trong đạo đức kinh doanh cùng khát khao mang lại những công trình bền vững, trường tồn với thời gian.

Tên thương hiệu mới sau khi thay đổi sẽ được sử dụng để xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu của Công ty và áp dụng thống nhất với tất cả các văn bản, hợp đồng cùng các sản phẩm, ấn phẩm quảng cáo, truyền thông trên các phương tiện thuộc Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc thay đổi nhận diện thương hiệu Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề liên quan đến việc thay đổi nhận diện thương hiệu, bao gồm: lựa chọn thương hiệu, ban hành và triển khai bộ nhận diện thương hiệu mới; điều chỉnh tên Công ty theo yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư; thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi Điều lệ; đăng ký nhãn hiệu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thay đổi nhận diện thương hiệu.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



BUI DUONG HUNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2021

## TỜ TRÌNH

**“Về việc: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông”**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong công tác quản trị, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần LICOGI 16 ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định một số nội dung chính như sau:

1. Đăng ký bổ sung/thay đổi vốn điều lệ (bao gồm trường hợp tăng vốn điều lệ do chia cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu), ngành nghề kinh doanh và các nội dung khác của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị và điều hành;
3. Thông qua và ban hành Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
4. Quyết định các vấn đề liên quan đến việc thay đổi nhận diện thương hiệu bao gồm việc lựa chọn thương hiệu và thực hiện các thủ tục có liên quan;
5. Quyết định các hợp đồng giữa Công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, cổ đông lớn của Công ty; công ty con, công ty liên kết của Công ty;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Trân trọng cảm ơn.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**BÙI DƯƠNG HÙNG**

## **BẢN TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC ỨNG VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **1. Ông BUDIMAN SATRIO SUDONO LIEM**

- Năm sinh: 1961
- Trình độ: Cử nhân Kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
1993 - nay	Công ty Chứng khoán Nikko Indonesia	Phó Chủ tịch
04/2016 – nay	Công ty Cổ phần LICOGI 16	Thành viên HĐQT

**2. Ông PHAN NGỌC HIẾU**

- Năm sinh: 1975
- Trình độ: Kỹ sư
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
2006 – 2015	Công ty Cổ phần Cơ khí Kết cấu thép Sóc Sơn	Tổng Giám đốc
2010 – nay	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Đại Dũng	Thành viên HĐQT
	Công ty Cổ phần Điện lực LICOGI 16	Thành viên HĐQT
05/2016 - nay	Công ty Cổ phần LICOGI 16	Thành viên HĐQT
04/2018 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo LICOGI 16	Thành viên HĐQT

### 3. Ông BÙI DƯƠNG HÙNG

- Năm sinh: 1958
- Trình độ: Kỹ sư đô thị
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2001 – 01/2006	Công ty Xây dựng số 16 thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng (LICOGI)	Giám đốc
02/2006 – 06/2007	Công ty Cổ phần LICOGI 16	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
07/2007 – 03/2013		Chủ tịch HĐQT
04/2013 – 12/2017		Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
01/2018 – nay		Chủ tịch HĐQT
05/2017 – nay		Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng LICOGI 16
04/2018 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo LICOGI 16	Chủ tịch HĐQT

**4. Ông NGUYỄN MINH KHANG**

- Năm sinh: 1977
- Trình độ:
  - Tiến sĩ Kinh tế (DBA)
  - Thạc sĩ Tài chính Đầu tư Bất động sản
  - Kỹ sư Xây dựng
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
2005 – 2008	Công ty TNHH Total Building Systems (Australia)	Giám đốc điều hành
2008 – 2010	Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú - Deawon	Giám đốc điều hành Ban Quản lý dự án
2011 – 2014	Công ty Cổ phần LICOGI 16	Giám đốc Khối Bất động sản
2014 – 2015	Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Sơn – Long An	Tổng Giám đốc
2015 – 07/2017	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	Phó Tổng Giám đốc
07/2017 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư LDG	Tổng Giám đốc
06/2020 – nay	Công ty Cổ phần LICOGI 16	Thành viên HĐQT

**5. Ông NGUYỄN VĂN NGHĨA**

- Năm sinh: 1963
- Trình độ: Đại học
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
2005 - 2006	Công ty Cổ phần Prime Vĩnh Phúc	Kế toán trưởng
2006 - 2008	Công ty Cổ phần Prime Group	Phó Tổng Giám đốc
2009 - 2016	Công ty Cổ phần Prime Group	Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT
2016 – 05/2020	Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Vận tải Thanh Long	Chủ tịch Hội đồng thành viên
04/2020 – nay	Công ty Cổ phần Gạch men Tasa	Thành viên HĐQT
06/2020 – nay	Công ty Cổ phần LICOGI 16	Thành viên HĐQT
08/2020 – nay	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC	Chủ tịch HĐQT

## 6. Ông TĂNG QUỐC THUỘC

- Năm sinh: 1977
- Trình độ:
  - Kỹ sư xây dựng
  - Cử nhân Kinh tế và Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006 – 2009	Công ty Cổ phần LICOGI 16	Chỉ huy trưởng Công trình, Phó phòng KT – KH
2009 – 2010	Công ty Cổ phần LICOGI 16.1	Phó Giám đốc
2012 – 2015	Công ty Cổ phần LICOGI 16.1	Giám đốc
05/2016 – 04/2017	Công ty Cổ phần LICOGI 16	Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc thi công
05/2017 – 12/2017		Tổng Giám đốc, Giám đốc Kinh tế Kế hoạch
01/2018 – 05/2020		Tổng Giám đốc
06/2020 – nay		Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT
10/2017 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích LICOGI 16	Chủ tịch HĐQT
2018 – nay	Công ty Cổ phần Licons Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
04/2018 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo LICOGI 16	Thành viên HĐQT
11/2018 – nay	Công ty Cổ phần Bất động sản LICOGI 16	Chủ tịch HĐQT

## **Công ty Cổ phần Licogi 16**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



# Công ty Cổ phần Licogi 16

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 50

# Công ty Cổ phần Licogi 16

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302310209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 6 năm 2006, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch	
Ông Budiman Satrio Sudono	Thành viên	
Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Khang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020
Ông Tăng Quốc Thuộc	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020
Ông Lê Vũ Nam	Thành viên	từ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2020

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc
Ông Phí Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc Thi công
Bà Lê Thị Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc Hành chính - Quản trị
Ông Trần Hữu Phong	Phó Tổng Giám đốc Kinh tế - Kỹ thuật

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Dương Hùng.

Ông Tăng Quốc Thuộc được Ông Bùi Dương Hùng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Giấy Ủy quyền Số 01/UQ-LICOGI16-PL ngày 2 tháng 1 năm 2020.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Licogi 16

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") trình bày báo cáo này liên quan đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc:



The stamp is circular with a red border. Inside, it reads 'CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16' in the center, 'M.S.D. 0909910209' at the top, and 'Q. BÌNH THẠNH, T.P. HỒ CHÍ MINH' at the bottom. A blue ink signature is written across the stamp.

Tăng Quốc Thuộc  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 60992762/22016363/HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Licogi 16**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 22 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1588-2018-004-1



Đặng Minh Tài  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2815-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.980.558.292.219</b>	<b>3.251.943.638.184</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>5</b>	<b>242.176.851.079</b>	<b>61.411.536.036</b>
111	1. Tiền		242.176.851.079	61.411.536.036
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>38.745.000.000</b>	<b>19.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	38.745.000.000	19.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.042.802.787.585</b>	<b>2.246.063.245.151</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	2.386.355.899.338	1.524.725.740.294
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	287.482.034.919	371.524.609.334
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	85.771.418.391	15.936.418.391
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	389.020.227.705	366.886.676.899
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(105.826.792.768)	(33.010.199.767)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>11</b>	<b>573.907.426.958</b>	<b>824.798.589.199</b>
141	1. Hàng tồn kho		573.907.426.958	824.798.589.199
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>82.926.226.597</b>	<b>100.670.267.798</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.316.666.536	8.290.582.495
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		78.784.376.774	92.377.528.783
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.825.183.287	2.156.520

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.151.934.380.562</b>	<b>1.466.781.912.394</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>6.367.569.000</b>	<b>6.367.569.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	10	6.367.569.000	6.367.569.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.282.996.371.700</b>	<b>370.224.902.764</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	1.254.529.098.974	329.760.282.472
222	Nguyên giá		1.506.484.515.049	492.215.080.401
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(251.955.416.075)	(162.454.797.929)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	14	28.073.001.829	38.756.762.059
225	Nguyên giá		51.959.740.014	52.003.408.553
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(23.886.738.185)	(13.246.646.494)
227	3. Tài sản cố định vô hình	15	394.270.897	1.707.858.233
228	Nguyên giá		10.254.240.000	10.213.240.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.859.969.103)	(8.505.381.767)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>77.424.207.031</b>	<b>340.688.411.853</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17	77.424.207.031	340.688.411.853
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>18</b>	<b>704.457.316.745</b>	<b>728.937.845.304</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		216.998.526.745	214.981.295.804
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		485.558.790.000	487.397.030.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.900.000.000	26.559.519.500
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>80.688.916.086</b>	<b>20.563.183.473</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	410.377.783	891.287.669
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	33.3	27.506.579.030	9.282.097.121
269	3. Lợi thế thương mại	19	52.771.959.273	10.389.798.683
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>6.132.492.672.781</b>	<b>4.718.725.550.578</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.286.109.465.887</b>	<b>3.131.372.236.712</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.446.967.188.013</b>	<b>2.917.230.787.183</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	20	1.523.247.763.301	886.620.645.485
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21	640.236.254.439	367.277.096.455
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	119.817.990.435	80.108.670.097
314	4. Phải trả người lao động		4.860.907.698	8.266.908.511
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	338.866.242.250	558.299.691.720
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	24	156.676.109.351	125.030.902.547
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	25	621.679.242.234	859.327.279.597
321	8. Dự phòng ngắn hạn	26	19.551.549.882	19.670.728.282
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		22.031.128.423	12.628.864.489
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>839.142.277.874</b>	<b>214.141.449.529</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn	34	89.414.653.881	89.414.653.881
337	2. Phải trả dài hạn khác	24	17.433.493.043	17.350.468.768
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25	731.794.455.450	105.883.075.380
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		499.675.500	1.493.251.500
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.846.383.206.894</b>	<b>1.587.353.313.866</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.846.383.206.894</b>	<b>1.587.353.313.866</b>
411	1. Vốn cổ phần	27.1	1.172.485.100.000	1.048.992.930.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.172.485.100.000	1.048.992.930.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	27.1	93.686.603.494	93.686.603.494
415	3. Cổ phiếu quỹ	27.1	(18.771.380.000)	(18.771.380.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	27.1	119.204.302.363	119.204.302.363
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.1	416.310.938.248	240.069.877.311
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		105.134.230.377	48.944.095.085
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		311.176.707.871	191.125.782.226
429	6. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát		63.467.642.789	104.170.980.698
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>6.132.492.672.781</b>	<b>4.718.725.550.578</b>

Đỗ Văn Hường  
Người lập

Nguyễn Văn Việt  
Kế toán trưởng

Tăng Quốc Thuộc  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	3.536.254.793.538	2.536.267.886.150
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(3.231.236.173.312)	(2.075.982.020.886)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		305.018.620.226	460.285.865.264
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	346.246.521.695	48.289.484.101
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	30	(113.617.315.906) (105.055.315.050)	(116.407.114.014) (79.403.952.931)
24	6. Phần lãi (lỗ) từ công ty liên kết		1.517.230.941	(8.769.648.334)
25	7. Chi phí bán hàng	31	(7.782.720.007)	(51.802.501.111)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(159.691.422.387)	(73.537.911.170)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		371.690.914.562	258.058.174.736
31	10. Thu nhập khác	32	4.004.268.449	7.625.993.192
32	11. Chi phí khác	32	(2.783.954.472)	(9.752.146.253)
40	12. Lợi nhuận (lỗ) khác	32	1.220.313.977	(2.126.153.061)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		372.911.228.539	255.932.021.675
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	(79.416.858.751)	(65.368.546.623)
52	15. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	33.3	18.224.481.909	3.199.905.462
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		311.718.851.697	193.763.380.514
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		311.176.707.871	191.125.782.226
62	28. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		542.143.826	2.637.598.288
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.4	2.430	1.559
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27.4	2.430	1.559

  
Đỗ Văn Hường  
Người lập

  
Nguyễn Văn Việt  
Kế toán trưởng

  
Tăng Quốc Thuộc  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>372.911.228.539</b>	<b>255.932.021.675</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	13, 14, 15, 19	105.987.617.858	69.407.431.360
03	Dự phòng		71.703.838.601	5.916.765.639
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(6.615.339.186)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(14.737.886.923)	(9.633.351.913)
06	Chi phí lãi vay	30	105.055.315.050	79.403.952.931
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>634.304.773.939</b>	<b>401.026.819.692</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(537.317.226.137)	(633.710.866.017)
10	Giảm hàng tồn kho		250.891.162.241	8.436.636.320
11	Tăng các khoản phải trả		269.826.103.895	284.709.983.341
12	Giảm chi phí trả trước		7.499.825.845	7.018.953.308
14	Tiền lãi vay đã trả		(105.733.461.447)	(78.957.510.615)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(32.567.513.398)	(31.087.611.300)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.065.283.000)	(3.072.321.770)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>484.838.381.938</b>	<b>(45.635.917.041)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(445.121.164.063)	(315.251.408.162)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.060.909.090	1.873.636.364
23	Tiền chi cho vay và mua công cụ vốn của đơn vị khác		(109.835.000.000)	(8.700.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		44.914.519.500	77.100.000.000
25	Tiền chi cho đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(12.911.760.000)	(5.860.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		14.250.000.000	121.365.247.314
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay và cổ tức được chia		7.447.474.588	11.560.881.178
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(500.195.020.885)</b>	<b>(117.911.643.306)</b>


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và tiền nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát		24.070.000	1.202.994.723
33	Tiền thu từ đi vay	25	2.017.427.076.185	1.690.192.747.729
34	Tiền trả nợ gốc vay	25	(1.810.728.801.564)	(1.596.869.757.609)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	25	(10.600.390.631)	(13.872.891.159)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	27.2	-	(68.599.763.400)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>196.121.953.990</b>	<b>12.053.330.284</b>
<b>50</b>	<b>Tăng (giảm) tiền thuần trong năm</b>		<b>180.765.315.043</b>	<b>(151.494.230.063)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu năm</b>		<b>61.411.536.036</b>	<b>212.905.766.099</b>
<b>70</b>	<b>Tiền cuối năm</b>	<b>5</b>	<b>242.176.851.079</b>	<b>61.411.536.036</b>

  
Đỗ Văn Hưởng  
Người lập

  
Nguyễn Văn Việt  
Kế toán trưởng

  
Tăng Quốc Thuộc  
Tổng Giám đốc



Ngày 22 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Licogi 16 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302310209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 6 năm 2006, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 326 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 401).

**Cơ cấu tổ chức**

Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết	
			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
			(%)	(%)
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16 (“LCI”)	Cung cấp dịch vụ xây dựng	Đang hoạt động	95	95
(2) Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12 (“CT12”)	Đầu tư và phát triển khu dân cư	Đang hoạt động	80	80
(3) Công ty Cổ phần Đầu tư Tiềm ích Licogi 16 (“LCU”)	Cung cấp dịch vụ tiện ích	Đang hoạt động	75	75
(4) Công ty Cổ phần Licons Việt Nam (“Licons”)	Cung cấp dịch vụ xây dựng	Đang hoạt động	80	80
(5) Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 (“LCE”)	Đầu tư và phát triển các dự án năng lượng	Đang hoạt động	97	97
(6) Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 Ninh Thuận (“LNT”)	Sản xuất điện mặt trời	Đang hoạt động	97	97
(7) Công ty Cổ phần Bất động sản Licogi 16 (“LCLand”)	Bất động sản	Đang hoạt động	95	95
(8) Công ty cổ phần Năng lượng điện gió Licogi 16 Quảng Trị 1 (“QT1”)	Sản xuất điện gió	Đang hoạt động	78	78
(9) Công ty cổ phần Năng lượng điện gió Licogi 16 Quảng Trị 2 (“QT2”)	Sản xuất điện gió	Đang hoạt động	78	78
(10) Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 Gia Lai	Sản xuất điện mặt trời	Đang hoạt động	99	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### **2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Hàng tồn kho

##### *Bất động sản tồn kho*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

##### *Hàng tồn kho khác*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |                                      |   |  |
|--------------------------------------|---|--|
| Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ     | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền   |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ theo phương pháp bình quân gia quyền |

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 48 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Phí bảo lãnh công trình;
- ▶ Công cụ, dụng cụ; và
- ▶ Chi phí hoa hồng môi giới.

#### 3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong mười (10) năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

#### 3.11 Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% trở lên quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào phần vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, thì Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần sở hữu của mình trong phần thay đổi trên (nếu có) và trình bày ở khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.14 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.19 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Hợp đồng xây dựng*

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu chuyển nhượng bất động sản*

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận của Công ty Mua bán điện.

*Doanh thu bán căn hộ*

Đối với các căn hộ mà Nhóm Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến căn hộ đã được chuyển giao sang người mua.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.20 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.22 Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Nhóm Công ty có hai bộ phận hoạt động kinh doanh chủ yếu là hoạt động bất động sản, cung cấp dịch vụ xây dựng và năng lượng tái tạo. Nhóm Công ty chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

**4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

**4.1 Mua Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 Gia Lai (“LCE Gia Lai”)**

Vào ngày 1 tháng 7 năm 2020, Nhóm Công ty mua 12.375.000 cổ phiếu có quyền biểu quyết của LCE Gia Lai với giá mua là 176.374.853.302 VND, tương đương 99% tỷ lệ sở hữu trong LCE Gia Lai và LCE Gia Lai đã trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của LCE Gia Lai tại ngày mua được trình bày như sau:

VND  
Giá trị hợp lý  
ghi nhận tại ngày mua

**Tài sản**

Các khoản phải thu	53.831.414.348
Tài sản cố định hữu hình	304.390.956.744
Xây dựng cơ bản dở dang	2.626.040.000
Tài sản khác	543.041.477
	<b>361.391.452.569</b>

**Nợ phải trả**

Các khoản phải trả	10.955.031.401
Các khoản vay	216.511.676.716
Các khoản phải nộp Nhà nước	1.236.353.932
Phải trả khác	1.084.009.747
	<b>229.787.071.796</b>

**Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý** **131.604.380.773**

**Lợi ích cổ đông không kiểm soát** **1.395.006.436**

**Tổng tài sản thuần hợp nhất (99% tỷ lệ sở hữu)** **130.209.374.337**

Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh  
(Thuyết minh số 19) **46.165.478.965**

**Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh** **176.374.853.302**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)**

**4.2 Chuyển nhượng cổ phần trong Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Điện Phước ("Điện Phước")**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Điện Phước cho Bà Lưu Thị Bình Dân với giá chuyển nhượng là 432.522.000.000 VND. Theo đó, số tiền lãi 309.827.889.298 VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Điện Phước không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

**4.3 Chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn Cần Thơ ("Sài Gòn Cần Thơ")**

Vào ngày 1 tháng 7 năm 2020, Tập đoàn đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ vốn cổ phần trong Sài Gòn Cần Thơ cho Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam với giá chuyển nhượng là 21.960.000.000 VND. Theo đó, số tiền lỗ 8.540.000.000 VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Sài Gòn Cần Thơ không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

**5. TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.081.653.865	928.217.330
Tiền gửi ngân hàng	238.457.197.214	58.845.318.706
Tiền gửi tại tài khoản phong tỏa (*)	<u>1.638.000.000</u>	<u>1.638.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>242.176.851.079</u></b>	<b><u>61.411.536.036</u></b>

(\*) Đây là khoản tiền gửi tại tài khoản phong tỏa được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 25.1).

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Khoản này thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ ba (3) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 3,4%/năm đến 3,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	2.015.467.521.167	1.117.499.772.865
<i>Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện mặt trời KN Vạn Ninh</i>	909.071.351.000	-
<i>Bà Lưu Thị Bình Dân</i>	232.522.000.000	-
<i>Công ty TNHH Thương mại Minh Tâm</i>	94.526.280.047	104.564.884.701
<i>Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Việt Nam</i>	92.334.986.967	-
<i>Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 1</i>	88.213.132.727	104.612.588.405
<i>Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung</i>	69.075.928.494	41.211.884.686
<i>Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 2</i>	64.098.086.761	138.626.770.314
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà</i>	40.090.985.267	137.218.314.538
<i>Công ty Cổ phần Licogi 13</i>	-	131.631.411.250
<i>Khác</i>	425.534.769.904	459.633.918.971
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 34</i> )	370.888.378.171	407.225.967.429
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.386.355.899.338</b>	<b>1.524.725.740.294</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(105.826.792.768)	(33.010.199.767)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>2.280.529.106.570</b>	<b>1.491.715.540.527</b>

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:*

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	33.010.199.767	25.589.381.265
<i>Cộng: Dự phòng trích lập trong năm</i>	80.166.593.001	11.920.818.502
<i>Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm</i>	(7.350.000.000)	(4.500.000.000)
Số cuối năm	105.826.792.768	33.010.199.767

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	246.398.581.033	307.968.814.354
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Kỹ thuật Việt</i>	16.418.746.300	20.474.042.445
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quốc tế - ICT</i>	49.131.336.170	66.900.000.000
<i>Công ty TNHH Nam Á Thịnh Phát</i>	27.122.414.000	-
<i>Khác</i>	153.726.084.563	220.594.771.909
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 34</i> )	41.083.453.886	63.555.794.980
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>287.482.034.919</b>	<b>371.524.609.334</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 34)	15.300.000.000	7.800.000.000
Các bên khác	70.471.418.391	8.136.418.391
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>85.771.418.391</b>	<b>15.936.418.391</b>

Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn như sau:

Bên vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Cho vay bên liên quan</b>				
Ông Trần Duy Doanh	15.300.000.000	12 tháng	Không	Tín chấp
<b>Cho vay bên khác</b>				
Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 1	60.000.000.000	3 tháng	8	Tín chấp
Bà Trương Thu Dung	5.000.000.000	12 tháng	10	Tín chấp
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	3.136.418.391	12 tháng	Không	Tín chấp
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn Cần Thơ	2.335.000.000	3 tháng	8	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>70.471.418.391</b>			

**10. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>389.020.227.705</b>	<b>366.886.676.899</b>
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	138.191.890.411	135.000.000.000
Tạm ứng (*)	136.407.492.191	102.927.927.765
Phải thu về chuyển nhượng vốn	57.200.672.141	95.090.552.686
Chi hộ	36.413.397.181	27.070.056.803
Ký quỹ khác	9.600.344.203	1.936.650.352
Phải thu lãi cho vay	5.524.331.369	385.461.855
Khác	5.682.100.209	4.476.027.438
<b>Dài hạn</b>	<b>6.367.569.000</b>	<b>6.367.569.000</b>
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	6.367.569.000	6.367.569.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>395.387.796.705</b>	<b>373.254.245.899</b>
<i>Trong đó:</i>		
Các bên khác	375.157.924.965	353.024.374.159
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	20.229.871.740	20.229.871.740

(\*) Đây là khoản tạm ứng để tham gia thực hiện các dự án bất động sản và các dự án xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**11. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các công trình xây dựng dở dang (*)	420.951.355.142	580.475.984.852
Bất động sản dở dang (**)	105.110.848.197	192.657.162.665
Vật tư xây dựng	46.487.970.723	49.871.537.236
Hàng hóa bất động sản	698.491.402	698.491.402
Công cụ, dụng cụ	658.761.494	1.095.413.044
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>573.907.426.958</u></b>	<b><u>824.798.589.199</u></b>

(\*) Chi tiết các công trình xây dựng dở dang được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	249.461.573.570	310.612.790.120
Sông Hậu – Đức Hòa	43.670.335.703	20.373.722.007
Cao tốc Hữu Nghị	39.635.822.168	26.943.579.191
Chung cư Hiệp Thành	30.642.814.625	29.502.791.585
Nhà máy nước Phú Ninh	-	36.424.221.907
Cao tốc Hạ Long - Vân Đồn	-	33.832.656.767
Bệnh viện II Lâm Đồng	-	20.160.683.136
Khác	57.540.809.076	102.625.540.139
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>420.951.355.142</u></b>	<b><u>580.475.984.852</u></b>

(\*\*) Chi tiết bất động sản dở dang được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Khu dân cư Bảo Lộc	49.133.481.350	53.678.940.899
Khu dân cư Long Tân	36.390.091.067	26.052.288.246
Khu dân cư Hiệp Thành	19.587.275.780	18.886.104.934
Khu dân cư Điền Phước	-	94.039.828.586
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>105.110.848.197</u></b>	<b><u>192.657.162.665</u></b>

Giá trị các bất động sản dở dang này đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (*Thuyết minh số 25.1*).

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.316.666.536</b>	<b>8.290.582.495</b>
Phí môi giới	955.926.852	7.869.921.901
Khác	360.739.684	420.660.594
<b>Dài hạn</b>	<b>410.377.783</b>	<b>891.287.669</b>
Công cụ, dụng cụ	410.377.783	891.287.669
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.727.044.319</u></b>	<b><u>9.181.870.164</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	15.911.812.979	337.170.627.505	136.652.262.443	2.480.377.474	492.215.080.401
Mua trong năm	-	74.560.000	-	30.445.455	105.005.455
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	204.506.127.952	499.328.264.157	-	-	703.834.392.109
Mua lại công ty con	146.513.245.210	173.088.273.238	-	-	319.601.518.448
Thanh lý	-	(7.271.735.910)	(1.999.745.454)	-	(9.271.481.364)
Số cuối năm	366.931.186.141	1.002.389.988.990	134.652.516.989	2.510.822.929	1.506.484.515.049
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	-	13.777.541.701	12.300.343.762	1.662.027.090	27.739.912.553
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(340.057.782)	(108.444.378.722)	(51.434.810.865)	(2.235.550.560)	(162.454.797.929)
Khấu hao trong năm	(4.765.962.253)	(68.796.851.508)	(16.396.490.592)	(250.316.103)	(90.209.620.456)
Mua lại công ty con	(1.699.061.163)	(6.436.820.681)	-	-	(8.135.881.844)
Thanh lý	-	6.953.176.680	1.891.707.474	-	8.844.884.154
Số cuối năm	(6.805.081.198)	(176.724.874.231)	(65.939.593.983)	(2.485.866.663)	(251.955.416.075)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	15.571.755.197	228.726.248.783	85.217.451.578	244.826.914	329.760.282.472
Số cuối năm	360.126.104.943	825.665.114.759	68.712.923.006	24.956.266	1.254.529.098.974
<b>Trong đó:</b>					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 25.2)	345.296.455.114	721.881.741.028	47.489.653.528	-	1.114.667.849.670

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

VND  
*Máy móc và thiết bị*

**Nguyên giá:**

Số đầu năm	52.003.408.553
Giảm khác	<u>(43.668.539)</u>
Số cuối năm	<u>51.959.740.014</u>

**Giá trị khấu hao lũy kế:**

Số đầu năm	(13.246.646.494)
Khấu hao trong năm	<u>(10.640.091.691)</u>
Số cuối năm	<u>(23.886.738.185)</u>

**Giá trị còn lại:**

Số đầu năm	<u>38.756.762.059</u>
Số cuối năm	<u>28.073.001.829</u>

**15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

VND  
*Phần mềm máy tính*

**Nguyên giá:**

Số đầu năm	10.213.240.000
Mua trong năm	<u>41.000.000</u>
Số cuối năm	<u>10.254.240.000</u>

**Giá trị hao mòn lũy kế:**

Số đầu năm	(8.505.381.767)
Hao mòn trong năm	<u>(1.354.587.336)</u>
Số cuối năm	<u>(9.859.969.103)</u>

**Giá trị còn lại:**

Số đầu năm	<u>1.707.858.233</u>
Số cuối năm	<u>394.270.897</u>

**17. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA**

Trong năm, Tập đoàn/Nhóm Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 9.818.257.572 VND (2019: 0 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến các khoản vay trực tiếp cho mục đích đầu tư xây dựng dự án Solar Farm Nhơn Hải.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trường Cao đẳng nghề Licogi	72.901.822.580	72.667.017.125
Nhà máy điện mặt trời Solar Farm Nhơn Hải	-	200.132.538.321
Nhà máy nước Sài Gòn Mê Kông	-	67.496.752.557
Khác	4.522.384.451	392.103.850
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>77.424.207.031</u></b>	<b><u>340.688.411.853</u></b>

**18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty liên kết ( <i>Thuyết minh số 18.1</i> )	216.998.526.745	214.981.295.804
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác ( <i>Thuyết minh số 18.2</i> )	485.558.790.000	487.397.030.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.900.000.000	26.559.519.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>704.457.316.745</u></b>	<b><u>728.937.845.304</u></b>

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 18.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết về khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị ghi sổ VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Đang hoạt động	180.000.000.000	30,00	180.000.000.000	30,00
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Đang hoạt động	28.144.767.251	34,50	26.638.970.477	34,50
Công ty Cổ phần Cấp nước Khu kinh tế Đông nam Quảng Trị	Đang hoạt động	6.960.000.000	30,00	6.460.000.000	30,00
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Đang hoạt động	1.893.759.494	36,36	1.882.325.327	36,36
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>216.998.526.745</b>		<b>214.981.295.804</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**18.1 Đầu tư vào công ty liên kết** (tiếp theo)

Chi tiết giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

	<i>VND</i>
<b>Giá trị đầu tư:</b>	
Số đầu năm	332.813.782.849
Tăng trong năm	<u>500.000.000</u>
Số cuối năm	<u>333.313.782.849</u>
<b>Phần lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:</b>	
Số đầu năm	(117.832.487.045)
Phần lãi từ công ty liên kết trong năm	<u>1.517.230.941</u>
Số cuối năm	<u>(116.315.256.104)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	<u>214.981.295.804</u>
Số cuối năm	<u><u>216.998.526.745</u></u>

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 18.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết về khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	378.447.030.000	19,5	378.447.030.000	19,5
Công ty Cổ phần BOT 38	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	47.500.000.000	19,0	47.500.000.000	19
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Đang hoạt động	Khai thác và xử lý nước	59.611.760.000	10,004	47.200.000.000	11
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Dankia	Đang hoạt động	Khai thác và xử lý nước	-	-	14.250.000.000	9,5
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>485.558.790.000</b>		<b>487.397.030.000</b>	

Nhóm Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

VND

**Nguyên giá:**

Số đầu năm	29.950.444.258
Tăng do mua lại công ty con (Thuyết minh số 4.1)	46.165.478.965
Giảm do thanh lý công ty con	(15.200.000.000)
Số cuối năm	<u>60.915.923.223</u>

**Phân bổ lũy kế:**

Số đầu năm	(19.560.645.575)
Phân bổ trong năm	(3.783.318.375)
Giảm do thanh lý công ty con	15.200.000.000
Số cuối năm	<u>(8.143.963.950)</u>

**Giá trị còn lại:**

Số đầu năm	<u>10.389.798.683</u>
Số cuối năm	<u>52.771.959.273</u>

**20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	1.368.737.256.991	786.620.645.485
Solar South East Asia Pte LTD	431.676.206.117	-
Toshiba Mitsubishi Electric	86.400.480.413	-
Công ty CP Sản xuất Bơm hải Dương	36.754.649.680	29.626.989.653
Công ty CP Tập đoàn IPC	36.590.727.007	-
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Hoàng Long	34.535.021.801	40.414.018.595
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Minh Phát	28.375.666.269	-
Công ty Cổ phần Xây dựng 817	27.929.326.988	-
Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Bách Việt HCM	27.625.548.453	-
Công ty CP Licogi 166	25.543.073.043	27.043.073.043
Công ty TNHH Tây Bắc – CN Tuyên Quang	24.164.133.571	-
Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt	23.777.267.483	14.009.130.428
Khác	585.365.156.166	675.527.433.766
Bên liên quan (Thuyết minh số 34)	154.510.506.310	100.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.523.247.763.301</u></b>	<b><u>886.620.645.485</u></b>

**21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

VND

	Số đầu năm	Số cuối năm
Các bên khác	621.490.670.238	343.768.624.904
Công ty TNHH Number One Quang Vinh	122.970.988.178	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng AUS	111.199.511.822	-
Công ty TNHH Điện Mặt trời Mỹ Sơn 1	47.496.749.368	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 13	39.502.802.006	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Mặt trời KN Vạn Ninh	31.321.852.468	-
Công ty TNHH Điện Mặt trời Mỹ Sơn 2	20.459.614.141	10.000.000.000
Khác	248.539.152.255	323.768.624.904
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	18.745.584.201	23.508.471.551
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>640.236.254.439</u></b>	<b><u>367.277.096.455</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	66.145.523.881	79.416.858.751	(32.567.513.398)	112.994.869.234
Thuế thu nhập cá nhân	6.614.808.273	2.853.456.896	(6.888.499.555)	2.579.765.614
Thuế nhà thầu	3.158.983.459	-	(2.328.165.204)	830.818.255
Thuế giá trị gia tăng	930.095	44.049.905.859	(42.096.624.654)	1.954.211.300
Khác	4.188.424.389	1.716.580.665	(4.446.679.022)	1.458.326.032
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>80.108.670.097</b>	<b>128.036.802.171</b>	<b>(88.327.481.833)</b>	<b>119.817.990.435</b>

**23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoàn thành các công trình xây dựng	316.936.968.220	543.226.476.905
Lương tháng 13	12.840.453.419	12.999.610.750
Lãi vay	1.330.073.927	1.769.967.701
Khác	7.758.746.684	303.636.364
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>338.866.242.250</b>	<b>558.299.691.720</b>

**24. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>156.676.109.351</b>	<b>125.030.902.547</b>
Phạt thuế	44.615.617.189	44.615.617.189
Nhận tạm ứng	9.661.366.075	27.285.217.421
Phải trả khoản đầu tư	32.600.000.000	33.425.073.973
Quỹ bảo trì căn hộ	8.380.632.633	8.701.909.531
Chi phí pháp lý bàn giao căn hộ	3.161.979.839	4.282.157.061
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	12.602.988	1.001.586.683
Chi phí lãi vay	6.352.879.430	624.753.364
Cổ tức	38.926.434.594	531.372.510
Khác	12.964.596.603	4.563.214.815
<b>Dài hạn</b>	<b>17.433.493.043</b>	<b>17.350.468.768</b>
Nhận tạm ứng	15.535.840.000	15.535.840.000
Lãi vay	1.894.653.043	1.811.628.768
Khác	3.000.000	3.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>174.109.602.394</b>	<b>142.381.371.315</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	<i>113.647.327.800</i>	<i>120.020.457.342</i>
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	<i>60.462.274.594</i>	<i>22.360.913.973</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>621.679.242.234</b>	<b>859.327.279.597</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 25.1)	463.603.679.874	685.262.260.310
Vay từ bên khác (Thuyết minh số 25.4)	63.561.554.047	86.243.179.025
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 25.3, 34)	5.520.471.271	5.520.471.271
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25.2)	78.436.814.949	69.303.286.522
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25.5)	10.556.722.092	10.556.722.092
Khoản vay đến hạn trả khác (Thuyết minh số 25.4)	-	2.441.360.377
<b>Dài hạn</b>	<b>731.794.455.450</b>	<b>105.883.075.380</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 25.2)	711.237.311.050	57.895.540.349
Vay từ bên khác (Thuyết minh số 25.4)	9.170.000.000	26.000.000.000
Nợ thuê tài chính (Thuyết minh số 25.5)	11.387.144.400	21.987.535.031
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.353.473.697.684</u></b>	<b><u>965.210.354.977</u></b>

Chi tiết tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	965.210.354.977	852.909.856.016
Vay trong năm	2.017.427.076.185	1.690.192.747.729
Tăng do mua lại công ty con	205.353.575.130	-
Giảm do thanh lý công ty con	(8.560.000.000)	-
Thuê tài chính trong năm	-	32.850.400.000
Trả nợ vay trong năm	(1.810.728.801.564)	(1.596.869.757.609)
Trả nợ thuê tài chính trong năm	(10.600.390.631)	(13.872.891.159)
Cán trừ với các khoản phải trả	(4.628.116.413)	-
Số cuối năm	<b><u>1.353.473.697.684</u></b>	<b><u>965.210.354.977</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**25.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng**

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đông Anh</b>					
Vay	235.228.060.809	Ngày 19 tháng 2 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	6,5	Tiền trong tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Cổ phần Quân đội Chi nhánh Đông Anh, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại The Lotus Cam Ranh, Bãi Dài, Phường Cam Nghi, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa; quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế giữa Công ty và Tập đoàn IPC; các khoản phải thu liên quan đến dự án Điện Mặt trời Chư Ngọc
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn</b>					
Vay	123.912.759.334	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	8,5	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha; tiền gửi tại tài khoản phong tỏa với giá trị 1.638.000.000 VND
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</b>					
Vay	103.998.509.731	Ngày 27 tháng 8 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	8,4 ~ 8,9	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc một phần dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha và một phần dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha
<b>Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng</b>					
Vay	464.350.000	Ngày 29 tháng 1 năm 2021	Mua xe ô tô	11,8	Tài sản hình thành từ khoản vay
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>463.603.679.874</b>				

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 25.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hồ Gươm</b>					
Vay	506.519.961.253	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2021 đến ngày 9 tháng 1 năm 2032	Tài trợ xây dựng dự án Solar Farm Nhơn Hải và vốn lưu động	9,9 ~ 12	Tài sản hình thành từ dự án Solar Farm Nhơn Hải; quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất; quyền tài sản hình thành trong tương lai từ việc đầu tư và khai thác

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 955.698.024

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đông Anh

Vay	205.353.575.130	Từ ngày 8 tháng 3 năm 2021 đến ngày 8 tháng 3 năm 2029	Tài trợ xây dựng dự án Nhà máy Điện mặt trời Chư Ngọc – giai đoạn 1	11	Tài sản hình thành từ dự án Nhà máy Điện mặt trời Chư Ngọc – giai đoạn 1; quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ hợp đồng giữa LCE Gia Lai và Tập đoàn Điện lực Việt Nam
-----	-----------------	---	---	----	--

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 24.489.123.408

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Vay	77.800.589.616	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2021 đến ngày 26 tháng 5 năm 2024	Đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải	8,4	Tài sản hình thành từ vốn vay
-----	----------------	---	---	-----	----------------------------------

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 52.991.993.517

### **TỔNG CỘNG**

**789.674.125.999**

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 78.436.814.949

Vay dài hạn 711.237.311.050

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 25.3 Khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần BOT 38	<u>5.520.471.271</u>	Ngày kết thúc giai đoạn đầu tư dự án	Tài trợ công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A	Không	Tín chấp

#### 25.4 Các khoản vay từ bên khác

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Vay ngắn hạn</b> Các cá nhân	<u>63.561.554.047</u>	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	0 ~ 12,75	Tín chấp
<b>Vay dài hạn</b> Công ty TNHH Đầu tư Thủy Nguyên Xanh	<u>9.170.000.000</u>	Ngày 26 tháng 12 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	5,5 ~ 6	Tín chấp

**Công ty Cổ phần Licogi 16**

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**25.5 Nợ thuế tài chính**

Nhóm Công ty hiện đang thuế thiết bị theo hợp đồng thuế tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu		Lãi thuế tài chính
<b>Nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>						
Từ 1 năm trở xuống	11.834.348.427	1.277.626.335	10.556.722.092	12.643.773.077	2.087.050.985	10.556.722.092
	11.834.348.427	1.277.626.335	10.556.722.092	12.643.773.077	2.087.050.985	10.556.722.092
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn</b>						
Từ 1 đến 5 năm	12.073.412.478	686.268.078	11.387.144.400	23.951.429.444	1.963.894.413	21.987.535.031
	12.073.412.478	686.268.078	11.387.144.400	23.951.429.444	1.963.894.413	21.987.535.031
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.907.760.905</b>	<b>1.963.894.413</b>	<b>21.943.866.492</b>	<b>36.595.202.521</b>	<b>4.050.945.398</b>	<b>32.544.257.123</b>

**26. DỰ PHÒNG NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Dự phòng chi phí bảo hành Dự án Hiệp Thành	19.551.549.882	19.670.728.282			

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HIN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 27.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						VND
Số đầu năm	1.000.000.000.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	178.057.178.465	1.372.176.704.322
Tăng vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	191.125.782.226	191.125.782.226
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(11.520.389.980)	(11.520.389.980)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(68.599.763.400)	(68.599.763.400)
Cổ tức bằng cổ phiếu	48.992.930.000	-	-	-	(48.992.930.000)	-
Số cuối năm	1.048.992.930.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	240.069.877.311	1.483.182.333.168
<b>Năm nay</b>						
Số đầu năm	1.048.992.930.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	240.069.877.311	1.483.182.333.168
Tăng vốn cổ phần	24.070.000	-	-	-	-	24.070.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	311.176.707.871	311.176.707.871
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(11.467.546.934)	(11.467.546.934)
Cổ tức bằng cổ phiếu (i)	123.468.100.000	-	-	-	(123.468.100.000)	-
Số cuối năm	1.172.485.100.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	416.310.938.248	1.782.915.564.105

(i) Vào ngày 15 tháng 9 năm 2020, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 12.346.100 cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu với giá trị là 123.468.100.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 07/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/NQ-LICOGI16-HĐQT ngày 27 tháng 9 năm 2020.

Vào ngày 29 tháng 10 năm 2020, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 21 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1.172.485.100.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**27. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**27.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	1.048.992.930.000	1.000.000.000.000
Tăng vốn trong năm	24.070.000	-
Cổ tức bằng cổ phiếu	<u>123.468.100.000</u>	<u>48.992.930.000</u>
Số cuối năm	<u>1.172.485.100.000</u>	<u>1.048.992.930.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	123.468.100.000	117.592.693.400
Cổ tức đã trả	(123.468.100.000)	(117.592.693.400)

**27.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	117.248.510	104.899.293
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	117.248.510	104.899.293
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(2.000.338)	(2.000.338)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	115.248.172	102.898.955

**27.4 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	311.176.707.871	191.125.782.226
Trừ: Quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	<u>(31.117.670.787)</u>	<u>(11.467.546.934)</u>
Lợi nhuận thuần sau điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	280.059.037.084	179.658.235.292
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (ii)	<u>115.247.414</u>	<u>115.245.765</u>
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b> <i>(VND/cổ phiếu)</i>	<b><u>2.430</u></b>	<b><u>1.559</u></b>

(i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng và phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ("NQĐHĐCĐTN") số 07/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2020.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 theo NQĐHĐCĐTN số 07/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**27. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**27.4 Lãi trên cổ phiếu** (tiếp theo)

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh để phản ánh việc tăng 12.346.810 cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối để tăng vốn cổ phần trong năm 2020.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**28. DOANH THU**

**28.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ xây dựng	3.375.560.902.882	2.005.699.409.593
Doanh thu từ bán đất nền và chung cư	97.531.678.069	484.947.891.905
Doanh thu bán điện	58.914.194.101	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	3.445.894.918	20.624.204.927
Doanh thu bán hàng	802.123.568	24.996.379.725
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.536.254.793.538</u></b>	<b><u>2.536.267.886.150</u></b>

**28.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư (Thuyết minh số 4.2)	309.827.889.298	41.999.633.500
Lãi từ chuyển nhượng quyền góp vốn	15.852.120.000	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.586.344.102	3.553.798.944
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.730.041.725	2.736.051.657
Khác	250.126.570	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>346.246.521.695</u></b>	<b><u>48.289.484.101</u></b>

**29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ xây dựng	3.168.158.414.568	1.884.200.906.523
Giá vốn bán đất nền và chung cư	31.998.090.581	164.055.005.313
Giá vốn điện đã bán	28.636.464.838	-
Giá vốn dịch vụ cung cấp	1.778.376.513	13.675.323.633
Giá vốn hàng bán	664.826.812	14.050.785.417
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.231.236.173.312</u></b>	<b><u>2.075.982.020.886</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	105.055.315.050	79.403.952.931
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư (Thuyết minh số 4.3)	8.540.000.000	36.263.449.914
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	22.000.856	590.020.140
Khác	-	149.691.029
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>113.617.315.906</u></b>	<b><u>116.407.114.014</u></b>

**31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>7.782.720.007</b>	<b>51.802.501.111</b>
Chi phí hoa hồng	7.291.238.577	51.802.501.111
Chi phí khác	491.481.430	-
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>159.691.422.387</b>	<b>73.537.911.170</b>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	72.816.593.001	7.420.818.502
Chi phí lương	36.048.105.973	39.893.516.115
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.465.503.263	5.625.889.699
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.317.314.079	2.809.048.588
Phân bổ lợi thế thương mại	3.783.318.375	1.475.044.426
Chi phí khác	36.260.587.696	16.313.593.840
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>167.474.142.394</u></b>	<b><u>125.340.412.281</u></b>

**32. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>4.004.268.449</b>	<b>7.625.993.192</b>
Thanh lý tài sản cố định	1.619.999.998	340.374.660
Doanh thu bảo lãnh	2.182.930.800	3.313.753.248
Tiền phạt vi phạm hợp đồng nhận được	-	1.823.354.934
Khác	201.337.651	2.148.510.350
<b>Chi phí khác</b>	<b>2.783.954.472</b>	<b>9.752.146.253</b>
Chi phí bảo lãnh	1.904.293.000	3.000.161.040
Phạt thuế	511.250.459	6.195.418.176
Khác	368.411.013	556.567.037
<b>LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC</b>	<b><u>1.220.313.977</u></b>	<b><u>(2.126.153.061)</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại doanh nghiệp khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 33.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	92.104.159.639	58.506.435.422
Điều chỉnh thuế trích (thừa) thiếu của năm trước	(12.687.300.888)	6.862.111.201
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(18.224.481.909)</u>	<u>(3.199.905.462)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>61.192.376.842</u></b>	<b><u>62.168.641.161</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>372.911.228.539</u></b>	<b><u>255.932.021.675</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng	74.582.245.708	51.186.404.335
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	2.991.863.644	2.785.075.452
Phân bổ lợi thế thương mại	756.663.675	295.008.885
(Lợi nhuận) lỗ được chia từ công ty liên kết	(303.446.188)	1.753.929.667
Điều chỉnh hợp nhất do thanh lý khoản đầu tư	-	(713.888.379)
Dự phòng đầu tư vào công ty con	(4.108.892.206)	-
Giảm thuế	(38.756.903)	-
Điều chỉnh thuế trích (thừa) thiếu của năm trước	(5.668.030.939)	6.862.111.201
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP (*)	<u>(7.019.269.949)</u>	<u>-</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>61.192.376.842</u></b>	<b><u>62.168.641.161</u></b>

(\*) Theo hướng dẫn của Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 sửa đổi Nghị định số 20/2017/ NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 do Chính phủ ban hành về quy định mức tỷ lệ lãi vay được khấu trừ áp dụng từ năm tính thuế 2019, Công ty đã ghi nhận điều chỉnh giảm chi phí TNDN trong năm hiện hành với tổng giá trị là 7.019.269.949 VND.

#### 33.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**33.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	21.165.358.554	6.602.039.953	14.563.318.601	1.484.163.700
Dự phòng đầu tư vào công ty con	4.108.892.206	-	4.108.892.206	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	497.693.781	2.690.266.398	(2.192.572.617)	1.382.652.707
Khấu hao	320.231.073	534.845.458	(214.614.385)	(242.827.272)
Trợ cấp thôi việc phải trả	99.935.100	298.650.300	(198.715.200)	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.375.289.975	652.960.273	722.329.702	400.228.997
Chênh lệch đánh giá hàng tồn kho từ hợp nhất kinh doanh	(60.821.659)	(1.496.665.261)	1.435.843.602	175.687.330
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần</b>	<b><u>27.506.579.030</u></b>	<b><u>9.282.097.121</u></b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<b><u>18.224.481.909</u></b>	<b><u>3.199.905.462</u></b>

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	112.656.968.669	733.847.674.955
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	97.092.931.498	21.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng được cung cấp Phí bảo lãnh	315.295.633.766 2.244.239.891	61.313.363.782 3.346.480.520

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	135.411.536.198	233.620.062.496
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	194.715.501.770	129.822.236.199
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	28.293.236.718	28.293.236.718
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ xây dựng	11.878.702.365	11.878.702.365
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Bán nguyên liệu và phí bảo lãnh	589.401.120	3.611.729.651
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>370.888.378.171</b>	<b>407.225.967.429</b>

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	<u>41.083.453.886</u>	<u>63.555.794.980</u>	
<b>Phải thu về cho vay</b>					
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn Công ty CT12	Cho vay	<u>15.300.000.000</u>	<u>7.800.000.000</u>	
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>					
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn Công ty CT12	Tạm ứng	<u>20.129.871.740</u>	<u>20.129.871.740</u>	
Ông Phí Ngọc Anh	Thành viên Ban TGD	Chuyển nhượng vốn	<u>100.000.000</u>	<u>100.000.000</u>	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<u>20.229.871.740</u>	<u>20.229.871.740</u>	
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	<u>154.510.506.310</u>	<u>100.000.000.000</u>	

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	VND Số đầu năm
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	500.000.000	-
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	16.557.838.801	22.782.471.551
Ông Tăng Quốc Thuộc	TGD	Bán đất nền	1.687.745.400	726.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>18.745.584.201</b>	<b>23.508.471.551</b>
<b>Phải trả khác</b>				
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn Công ty CT12	Tạm ứng	54.462.274.594	15.535.840.000
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Nhận chuyển nhượng vốn Lãi vay	6.000.000.000	6.000.000.000 825.073.973
<b>Vay</b>			<b>60.462.274.594</b>	<b>22.360.913.973</b>
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Vay	5.520.471.271	5.520.471.271
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>				
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	89.414.653.881	89.414.653.881

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thành viên hội đồng quản trị	2.673.420.889	3.391.647.880
Ban Tổng Giám đốc	4.982.838.982	5.587.234.532
<b>TỔNG CỘNG (*)</b>	<b>7.656.259.871</b>	<b>8.978.882.412</b>

(\*) Bao gồm Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

**35. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Nhóm Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.782.744.502	646.214.182
Trên 1 đến 5 năm	6.807.942.871	1.095.428.091
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.590.687.373</b>	<b>1.741.642.273</b>

**36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là phát triển và kinh doanh bất động sản, cung cấp dịch vụ xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Nhóm Công ty như sau:

	Dịch vụ xây dựng	Bất động sản	Năng lượng tái tạo	Hoạt động khác	Điều chỉnh hợp nhất	Tổng cộng
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>						
<b>Doanh thu thuần</b>						
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	4.038.468.126.125	97.531.678.069	58.914.194.101	5.859.343.784	(664.518.548.541)	3.536.254.793.538
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>4.038.468.126.125</b>	<b>97.531.678.069</b>	<b>58.914.194.101</b>	<b>5.859.343.784</b>	<b>(664.518.548.541)</b>	<b>3.536.254.793.538</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Lợi nhuận gộp của bộ phận	193.671.994.229	65.533.587.488	29.234.892.736	11.694.249.061	4.883.896.712	305.018.620.226
Chi phí không phân bổ						(167.474.142.394)
Doanh thu hoạt động tài chính						346.246.521.695
Chi phí tài chính						(113.617.315.906)
Lợi nhuận khác						1.220.313.977
Phần lỗ từ công ty liên kết						1.517.230.941
Lợi nhuận thuần trước thuế						372.911.228.539
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(79.416.858.751)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại						18.224.481.909
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>						<b>311.718.851.697</b>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>						
<b>Tài sản và công nợ</b>						
Tài sản bộ phận	2.938.943.522.730	843.103.017.715	983.437.425.606	77.424.207.031	(133.204.040.350)	4.709.704.132.732
Tài sản không phân bổ						1.422.788.540.049
<b>Tổng tài sản</b>						<b>6.132.492.672.781</b>
Công nợ bộ phận	3.016.159.738.410	776.639.696.276	15.990.553.081	240.125.846.055	(193.091.876.148)	3.855.823.957.674
Công nợ không phân bổ						430.285.508.213
<b>Tổng công nợ</b>						<b>4.286.109.465.887</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Nhóm Công ty như sau:

	Dịch vụ xây dựng	Bất động sản	Hoạt động khác	Điều chỉnh hợp nhất	Tổng cộng
					VND
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>					
<b>Doanh thu thuần</b>					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	2.060.623.893.983	484.947.891.905	124.877.751.649	(134.181.651.387)	2.536.267.886.150
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>2.060.623.893.983</b>	<b>484.947.891.905</b>	<b>124.877.751.649</b>	<b>(134.181.651.387)</b>	<b>2.536.267.886.150</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Lợi nhuận gộp của bộ phận	123.326.670.370	321.093.301.119	28.731.447.031	(12.865.553.256)	460.285.865.264
Chi phí không phân bổ					(125.340.412.281)
Doanh thu hoạt động tài chính					48.289.484.101
Chi phí tài chính					(116.407.114.014)
(Lỗ) lợi nhuận khác					(2.126.153.061)
Phân lỗ từ công ty liên kết					(8.769.648.334)
Lợi nhuận thuần trước thuế					255.932.021.675
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(65.368.546.623)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại					3.199.905.462
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>					<b>193.763.380.514</b>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>					
<b>Tài sản và công nợ</b>					
Tài sản bộ phận	2.940.063.851.008	387.626.138.466	340.688.411.853	(241.054.080.318)	3.427.324.321.009
Tài sản không phân bổ					1.291.401.229.569
<b>Tổng tài sản</b>					<b>4.718.725.550.578</b>
Công nợ bộ phận	2.129.833.085.027	417.687.054.157	546.514.238.414	(316.626.588.961)	2.777.407.788.637
Công nợ không phân bổ					353.964.448.075
<b>Tổng công nợ</b>					<b>3.131.372.236.712</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**37. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Đỗ Văn Hương  
Người lập



Nguyễn Văn Việt  
Kế toán trưởng



Tăng Quốc Thuộc  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2021